Số 19 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Mars 1931

DEPOT LEGAL
RÉSIDENCE SUPERIEURE
TONKIN

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1/028

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

AN-NAM TẠP CHÍ
安南雜誌
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BAO-QUAN

123 — Rue Maréchal-Foch — 123

NAM-DINH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-DINH

1931

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 5, 6 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé***" gửi về để tiện việc sổ sách.**

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Sự cảm-tưởng về mùa Xuân cùng ai Xuân cảm.
Sự cảm-tưởng về Phụ-nữ nước Nam ta.
(Trân trọng cùng ai trong Nữ-giới.)
Một buổi chơi động Hoa-Lư.
Tiểu-sử một nhà Thi-Hào gần đây, *(ông Tú Xương.)*
Thăm thành Genève *(Kính-đồ hội Vạn-quốc)*
Cảm-tưởng đối với sự chán đời của các thanh-niên Nam, Nữ.
Văn Thơ.
Xã-Hội Thiền-đàm.
Xã-Hội Ba-đảo-ký.
Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.
Tiểu-Thuyết (*Vân-Lan Ký-Sự*)

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:
Mr LẠI-VĂN-XUẨN
Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 19 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Mars 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
M' VŨ-HÙNG-TOẢN
Phó Chủ-sự

SỰ CẢM-TƯỞNG

VỀ MÙA XUÂN, CÙNG AI XUÂN CẢM

Mỗi năm một lần xuân, đã là sự thường; vậy mà mỗi năm sang đầu xuân, thường khiến cho người ta sinh mối cảm-tưởng. Mùa xuân của các năm, năm nào cũng thế; mà cảm-tưởng của người ta đối với xuân, năm ấy năm khác, thường lại có khác nhau. Nay tôi cứ cái cảm-tưởng của tôi trong mấy năm đối với xuân, nhận ra thật thấy có khác nhau, thời suy ra trong xã-hội quốc-dân, hẳn cũng có nhiều người như thế. Vậy nhân khoảng đầu xuân, xin có một bài văn luận thuyết, tuy không phải là sự ích lợi gì cho ai, song được cùng các bạn độc-giả của Tạp-Chí, những ai người sẵn có mối tình xuân cảm, cùng nhau cảm-tưởng, cùng nhau thưởng xuân.

Nhớ mùa xuân năm Đinh-mão (1927), tôi ở Hàng-Lọng Hanoi, sự cảm-tưởng có phu diễn ở bài văn luận thuyết, nói về sự *chiến tranh tiến thủ*, in ở đầu An-nam tạp-chí số 10, những ai có lòng yêu An-nam tạp-chí, có lẽ còn nhớ qua đại-khái. Mùa xuân năm Mậu-thìn (1928), tôi ở trong Nam, sự cảm-tưởng đối với xuân có mấy câu thơ rằng:

Cuộc thế xoay quanh đất một hòn,
Sông chưa cạn đó, núi chưa mòn,
Dân hai nhăm triệu ai người lớn?
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con!

Mùa xuân năm Kỷ-tỵ (1929), tôi ở *Vĩnh-Yên*, chỗ ở đó gọi là *Dốc-Láp*, sự cảm-tưởng đối với xuân, chỉ chuyên trú về cây cối hoa cỏ, tưởng như khu đất đó mà mình ở

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

đến năm thứ năm, thời toàn Bắc-kỳ có lẽ không nơi nào đẹp bằng. Mùa xuân năm Canh-Ngọ (1930), tôi ở Haiphong, thường đi lại Hanoi, sự cảm-tưởng đối với xuân, có viết ra để mừng một báo-quán trong Nam mới đầy tuổi, có hai câu rằng:

Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ!
Đời chưa đáng chán! chị em ơi.

Đến mùa xuân năm nay là năm Tân-vị (1931), tôi ở Nam-định, sự cảm-tưởng đối với xuân, cũng lại thấy rất là có khác:

Hồi tưởng lại trong ba bốn năm trước đây, cảnh-ngộ xoay vần cho đến nay, lao lực lao tâm, hình thần ngày kém. Cái thân còn sống, thời việc đời còn cứ phải làm; làm việc mà việc chẳng tiến hành, cái lụy phù-sinh, càng nghĩ càng thêm đeo nặng mãi.

Tiếng quốc đã khan,
Ruột tằm thêm rối;
Ngày tháng như chối, năm chẳng đợi,
Thoi oanh tơ liễu dệt sầu xuân.

Lại nhớ đến các bạn văn-chương từ năm xưa, mãi từ khi Hữu-Thanh tạp-chí còn sinh-thời, cho đến hồi An-nam tạp-chí mới xuất bản, ai cảm tình, ai lai cảo, bốn phương giời nay những ai đâu?

Ngày tháng trải bao cuốn lịch?
Nước non cách mấy gịp cầu?
Xuân xanh, xuân vẫn nguyên mầu;
Đầu xanh ai đã bạc đầu? chăng ai.

Lại nghĩ đến các người thanh-niên nam nữ trong xã-hội, công-danh duyên phận, chứa-chan hy-vọng cùng ngày xuân. Cái cảm-tưởng của những ai kia đối với xuân, so với mình trong khi mới ra làm công việc Hữu-Thanh, có lẽ mặn nồng cũng vậy. Vậy rồi mà xuân này qua, xuân khác tới, mình như thế, ai ai cũng như thế. Thế rồi nữa ai biết ai ra sao?

Tài tình gương sáng cheo cao;
Qua đường khách có trông vào mà kinh?

Lại nghĩ đến những ai quê người đất khách, mặt nước chân mây, ý-hứng gió tản, công trình cát lấp. Cái cảm-tưởng của những ai đó đối với xuân nay xuân trước, có khác nhau ít nhiều?

Đời người như giấc chiêm bao!
Chơ chơ là cái hoa đào gió đông!

Do cái cảm-tưởng của tự mình đối với xuân, mà xuy lượng cảm-tưởng của người khác, thật là man-mác, đã thấy như nước bể mây ngàn. Lại nghĩ đến nhiều các hạng người trong nước. Người vui thú rượu xuân tiệc thọ, người thời mong xuân-thủ đàm-ân. Trong hai mươi nhăm triệu quốc-dân, cảm-tưởng đối với xuân, khôn thể biết ít nhiều bao thứ. Lại nghĩ đến lịch-sử của toàn quốc từ đời vua Hùng-vương giở lại, thịnh suy thăng giáng, đời nọ với đời kia khác nhau. Mỗi năm một lần xuân, được mấy phần xuân là giá-trị. Lại từ nay giở đi nữa, thế-giới cạnh-tranh, thời-gian khẩn bách, kim đồng-hồ kỷ-cách, xuân-quang chớp mắt đã tàn.

Rồng tiên nòi giống,
Hoa gấm giang-san.
Con đường tiến-thủ gian-nan;
Đường xa nghĩ nỗi, chứa-chan bao tình!

Cứ các mối cảm-tưởng như trên thời không cứ một mình, hay bạn hữu, hay nhiều các hạng người trong

xã-hội, hay toàn thể quốc-dân, hay lịch-sử toàn-quốc, nghĩ như đối với xuân, phần vui có ít mà phần buồn có nhiều. Lại nghĩ mỗi năm có bốn mùa, xuân vẫn là mùa có thú vui hơn hết; nếu đối với xuân mà cảm tưởng đã không thể vui được, thời như gặp hạ, thu, đông, những mùa khác, còn mong có hứng vui được sao? Người ta ở đời, nếu không còn có hứng vui, thời đối với mình, đối với người, còn mong sao cho được có giá-trị? Nếu như thế mà không phải sống nữa, thực là nhất; song nếu còn cứ phải sống, thời dẫu không vui cũng thiệt, mà lại không có ích lợi gì đến ai. Nghĩ về phần riêng của một người đã như thế, lại nghĩ về phần chung của một dân-tộc, nếu không có hứng thú để vui về sự sống, thời còn mong sinh sôi nẩy nở, mà cạnh tranh với ngoại-giới, mà bền vững với giang-sơn được sao? Cho nên đối với xuân mà nên có cái cảm-tưởng về bên vui, thực cũng là một nhẽ chánh-đáng vậy.

Cứ thực-lý của thế-gian mà nghĩ, thời tôi thấy như thế; lại xét về tâm-lý của thế-gian, thời thấy ra như thể có khác: Cảnh-ngộ của người ta tuy có không đều nhau, song đại-để những người chính-nhân quân-tử, thời cái cảm-tưởng về bên vui thường ít, mà cái bụng lo buồn vẫn thường nhiều. Những người sẵn cái cảm-tưởng về bên vui, thời những sự vui đó lại có ít giá-trị. Xem như câu:

« Tháng giêng ăn tết ở nhà, »
« Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè. »

Thực đủ tả ra cái quan-niệm *vui xuân*, mà những sự vui xuân đó thuộc về hạng người nào phần nhiều, tưởng độc-giả có thể lượng xét. Rượu xuân tiệc thọ, xuân thủ đàm ân, cũng đều là những sự vui xuân vậy, *« Cảm tình là sự thực, không nên bảo thế nào là phải trái. »* Nhà triết-lý bên Thái-tây có câu nói như thế. Nghĩ thế thời phàm những sự vui xuân của các hạng người trong xã-hội, đều không thể ai bảo ai là trái, cũng không thể ai cho ai là đáng khinh. Duy chỉ nên tìm lấy một cái chân-lý đối với xuân, cho mọi người đều có thể cứ đó mà phát cái cảm-tưởng vui xuân, tưởng chính là công việc của nhà ngôn luận trong báo-giới hiện nay vậy.

. . .

Trong kinh Dịch có câu rằng: «無往不復 *Vô vãng bất phục,*» nghĩa là «*không có sự gì đi mà không giở lại*» Đó là câu lý-thuyết, nói về nhẽ tuần-hoàn, mà chứng với sự-thực, thời tức như mùa xuân vậy. Trong một năm có bốn mùa, xuân là một; cứ kể phần ngày tháng thời so với các mùa hạ, thu, đông không khác nhau; song mà người ta chia xuân làm mùa đứng đầu năm, cũng lấy rằng cứ đến thời-tiết ấy thời khí giời êm hòa, cỏ cây tươi tốt, cành trơ nẩy lộc, rễ chụi đâm mầm, thực là thời-cảnh đáng vui chung cho khắp cả vạn vật. Cứ sự thực của xuân như thế, mà chúng ta đã công nhận là đầu năm, đi rồi lại lại, thời cái nghĩa « *vô vãng bất phục* » cũng có thể suy ra nhân-sự mà mượn làm hy-vọng cho khắp thảy mọi người. Cho nên người làm ruộng năm trước mất mùa, sang đầu xuân có thể mong năm nay lúa tốt; người buôn bán năm trước thua lỗ, sang đầu xuân có thể mong năm nay phát tài; người học trò năm trước thi hỏng, sang đầu xuân năm nay có thể mong về công danh; người con gái năm trước muộn chồng, sang đầu xuân năm nay, có thể mong về duyên phận; lại đến hết thảy người nghèo khó,

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

người muộn con, đều có thể mong con mong của. Cho nên mỗi lần sang năm mới, trong xã-hội thường hay chúc nhau «*năm nay giầu hơn năm ngoái*,» «*năm nay sinh đẻ con giai*.» Nhất thiết bao những sự làm ăn thất bại cùng là số vận xấu xa trong cái năm đã qua, đều có thể xúy-xóa bỏ đi mà bắt đầu lại tính sang niên-vận mới. Đó thực là tâm-lý chung của các hạng người trong xã-hội đối với xuân, mà cũng tức là chân-lý đối với xuân nên có như thế vậy.

Do vận-hội của cỏ cây mà xúy xem vận-hội của người đời, lại do cảnh vận của một người mà tính xem vận-hội của một dân-tộc, hy-vọng với sự-thực, dẫu không đúng hẳn được như thời-lệnh của tạo-hóa, song cũng không phải là toàn nhiên không hợp nhẽ tuần-hoàn. Xem như ở sử ta, sau đời Hùng-Vương, qua Thục, Triệu, đến đời bắc-thuộc, nước non là lúc tiêu-điều, vua Đinh lên mà cảnh sắc lại xuân vậy, Đinh, Lê suy mà họ Lý lại nổi, vận Lý kém mà nhà Trần lại lên, có đông có xuân, cũ rồi lại mới. Hồ-qúi-Ly cướp Trần mà người Minh sang tàn hại sinh-linh, nước non lại lúc tiêu-điều; vua Lê ra mà cảnh sắc lại xuân vậy. Nòi giống rồng tiên, non sông hoa gấm, có xuy rồi lại thịnh, có bĩ rồi lại thái; mầm non lộc mới, bốn nghìn năm trải vẫn còn xuân. Đó là do chân-lý mà nghiệm xem sự-thực, cái nghĩa «*vô vãng bất phục*», thực không đời gì chúng ta. Dân-tộc cũng như một người, giang sơn cũng như hoa thảo vậy.

Cho nên giời đất hãy còn, thời xuân không bao giờ hết; một người hay một dân-tộc hãy còn, thời cái vận tốt cũng không bao giờ hết Vậy thời hiện nay chúng ta đương gặp lúc giời xuân cảnh sắc như thế, chỉ nên đem cảm-tình theo chân-lý mà cùng xuân vui vẻ, can chi mà sầu ? hỡi ai? Nghĩ vậy mà tôi lại hồi tưởng những cảm-tưởng của tôi đối với xuân từ năm đinh-mão cho tới nay, có nhẽ cứ như năm canh-ngọ mới đây là phải:

Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ,
Đời chưa đáng chán, chị em ơi !

Nguyễn-khắc-Hiếu

Cảm-hoài đối với chiếc tầu Annam in ở An-nam tạp-chí số 18.

Con tầu bản-quốc đã ra khơi,
Guồng máy đua chen với cuộc đời:
Ngoại bốn nghìn năm thân cũ, mới ?,
Hai mươi lắm triệu khách đầy, vơi ?
Sóng cồn mặt biển, nhỏ hồn nước ;
Khói tỏa chân mây, dợp bóng giời.
Tiến-thủ đường xa thiên vạn lý;
Cảm-hoài, ai có ?... chị em ơi !

Nam-thành quá khách

君子之道。闇然而日章。

Quân-tử chi đạo, ảm nhiên nhi nhật chương.

Đây là một câu ở trong sách Trung-dung, lời nói của ông Tử-Tư.

Nghĩa rằng :

Cái đạo-lý của người quân-tử, trông như mờ vậy, mà ngày càng rõ rệt.

An-Nam Tạp-Chí

SỰ CẢM-TƯỞNG VỀ PHỤ-NỮ NƯỚC NAM TA

"Trân-trọng cùng ai trong Nữ-giới"

Từ khi có quốc-văn đến nay, mà vấn-đề phụ-nữ ở nước ta mới thành chiếm có một địa-vị trong luận-đàn, khiến cho công-chúng phải chú ý. Phàm sự thuộc buổi mới, thời dư-luận thường hay phân-vân, thế nào là nên, thế nào là không nên, khó có một người nói ra mà được một số người lấy làm phải. Biết vậy mà cái cảm-tưởng đã có. thời không nỡ bỏ đi cho qua; cho nên việc nói thời nói, ai nghe thời nghe, chỉ biết là do cảm-tưởng viết ra vậy.

Cứ dĩ vãng mà xem, thời đàn bà nước Nam ta từ xưa, anh-hùng như bà Trưng, bà Triệu; tiết-liệt như bà Nguyễn-thị-Kim, bà Phan-thị-Thuấn; tài-hoa văn-học như bà huyện Thanh-quan, bà thị-Điểm, cô Xuân-hương. Những người đó, tuy không phải là hạng người thường có trong quốc-dân, song cũng đủ chứng rằng đàn bà nước Nam ta tư-tính không hẳn kém thua những đàn bà nước khác vậy. Có một điều thua kém chung cho khắp cả quốc-dân mà càng là thiệt cho đàn bà con gái, thời là từ trước nước ta không có chữ, sự học mượn ở chữ Hán; người trượng-phu vì muốn lập công-danh, cho nên sự học phải truyên cần; bên phụ-nữ chức-trách chỉ ở trong gia-đình, mà chữ lại không phải chữ nước mình, cho nên ít có người có học. Phụ-nữ nước ta với phụ-nữ nước tầu, lễ giáo cùng như nhau, mà riêng một sự học thua kém, Một sự học đã kém hẳn, thời tài-năng trí-thức và đạo-đức tư-tưởng, trách sao không được bằng ai ! Bởi hoàn-cảnh không được như người, cho nên hạnh-phúc cũng không được như người, đó là chỗ thiệt-thòi cho phụ-nữ nước ta mà là cái hoàn-cảnh tự-nhiên thuộc về thời đại đã qua vậy.

Lại nghĩ như một dân-tộc, cũng chẳng khác nào như một gia-đình, bên nam-giới, bên nữ-giới có quan thiết với nhau, chính cũng như hai vợ chồng một nhà ai kia ở trong xã-hội vậy. Đại-đề trong xã-hội Việt-nam ta, hạnh-phúc của gia-đình phần nhiều trông ở người nam-tử. « *Võng nàng đi sau,* » cũng nhờ ở *ơn vua tiếng dạ*; mà vai ai vác quốc, « *bởi vì chồng, nên vợ phải đi phu* ». Ân hận thay cho những người đàn bà duyên hèn phận kém kia, tự giời xe định mà cùng với người trượng-phu hèn kém cùng chung nhau một cái gia-đình. Người ta phu quí phụ vinh, trông ai lại nghĩ đến mình lại thương.

Cứ do cái tình sự của một đôi vợ chồng trong cái gia-đình hèn kém mà trông ra với các gia-đình khác trong xã-hội, suy nghĩ đến cái tình-sự của nam nữ trong dân-tộc hèn kém mà trông ra với các dân-tộc khác trong thế giới, thời những đấng tu my Nam-việt đối với những cân-quốc quần-thoa ai đó, chính nên nhiều vẻ thẹn thò. Nay theo cái cảm-tưởng của tôi, tôi xin lấy cái địa-vị là một kẻ trong các bạn mày râu

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

trong ba kỳ, trân trọng cùng một nửa đồng-bào bên nữ-lưu, có lời xin thứ trách.

Cái hoàn-cảnh dĩ-vãng của chị em đồng-bào ta như kia, cái cảnh-ngộ hiện thời của chị em đồng-bào ta lại như đó, vậy thời ai là kẻ con giòng cháu trưởng của Lạc-Hồng dân-tộc, chẳng nên phải ngậm-ngùi yên-ủi, mà mong cho chị em đồng-khí cùng gượng lòng tu-tiến hay sao? Hiện nay thời-tiết gặp xuân, nói về một năm thời là gịp đầu trong một năm; nói về vận-hội của toàn-thể phụ-nữ-giới nước Nam ta thời, chính là một gịp đầu trong cuộc học-vấn tiến-tu vậy. Nước ta nay mới có chữ, lại gặp lúc phong-trào ở hải-ngoại tràn tới, sự học-vấn của đàn bà con gái mới mở lối, cách lập thân của đàn bà con gái cũng mới rộng đường; vậy chị em đồng-bào ta chính nên sửa soạn tinh-thần, trong sạch tâm-lý, đặt những sự hy-vọng cao-thượng vĩ-đại của toàn cuộc thân-thế, như thể sáng hôm mồng một tết đối với trong một năm. Nòi giống Việt-nam ta mà còn có ngày giời cho mở mặt với năm châu, thời cái hạnh-phúc của quốc-dân bên nam-giới bao nhiêu, cái hạnh-phúc của quốc-dân bên nữ-lưu sẽ cũng như thế.

Tôi từ khi thôi sự học Hán-văn, mới lưu tâm đến văn-tự của Bản-quốc, trong khi mới bắt đầu theo công việc trước-thuật, trừ những quyển văn thơ vui chơi không kể, có in ra một quyển *Đài-gương*, sự kỳ-vọng đối với các bạn nữ-lưu rất là trân trọng; sau đó lại xuất bản một quyển *Đàn-bà-tầu*, một tên là *Đài-gương-truyện*, cũng là theo cái cảm-tưởng như xưa. Gần đây trong khi Phụ-nữ tân-văn còn đương ra đời, tôi cũng thường có bài viết. Khi đó An-nam tạp-chí cũng cùng xuất bản ở Hà-nội, mà công việc văn bút đối với bên nữ-giới thời tôi định để riêng làm vào trong Phụ-nữ tân-văn. Nay Phụ-nữ tân-văn đã không xuất bản nữa, thời bao cái ý-kiến của tôi đối với nữ-giới, xin lại sẽ viết ra bài mà đăng trong tạp-chí An-nam. Lại nghĩ như An-nam tạp-chí đối với toàn-thể quốc-dân có chức trách, có lẽ như một phần nửa trong số hai mươi nhăm triệu là phụ-nữ-giới của ta đó mà để ra ngoài vòng quan-thiết với cơ-quan tiến-thủ hay sao? Vậy từ nay giở đi, trong công việc của Bản-chí nhận có một phần bài vở đối với bên nữ-lưu, mà cũng mong rằng các bạn nữ-lưu, ai có ý-kiến gì đối với đồng-bào, cùng là những thơ ca ngâm vịnh do cảm-hoài chân-chính thanh-cao, xin đều lai-cảo về cho, Báo-quán ở Nam-thành sẵn lòng vui đợi.

Trân-trọng cùng ai trong nữ-giới,
Sơn hà ai có ghé bên vai?

TẢN-ĐÀ **Nguyễn-khắc-Hiếu**

Quảng-Hưng-Long

Trước ga chợ Tourane

Đại-lý bán **An-Nam Tạp-Chí**, và các báo.

Có bán các thứ đồ đồng, đồ thau, tơ, lụa, mũ, giầy, ghệ Thonet, va-ly, dương bọc kẽm, đờn ta, đờn tầu, đủ các hàng Tạp-hóa. Bán buôn hoặc bán lẻ đều giữ giá phân minh và chân thật.

CHỦ - NHÂN

Lê-Thừa-Ân

MỘT BUỔI CHƠI ĐỘNG HOA-LƯ

Nói đến ba chữ "**động Hoa-lư**" thời nước ta những người có học-vấn và người có du-lãm ai cũng hiểu là chỗ có quan-hệ đến lịch-sử vua *Đinh-Tiên-Hoàng*.

Người học-vấn chỉ bằng cứ ở sử sách bảo là chỗ vua Đinh ngày trước đóng đô. Người lịch-lãm cũng chỉ qua đến đất Trường-yên là chỗ đền thờ vua Đinh ngày nay bảo đấy là động Hoa-lư.

Trước kia tôi cũng tưởng là thế. Nhưng thực ra thì không phải. Vì mấy năm gần đây tôi có xem bản địa-đồ Ninh-bình thấy một chỗ đề là động Hoa-lư, một chỗ là Trường-yên, mới có lòng nghi; nhưng chưa có dịp nào để khảo xét được. Cách vài năm nay tôi giậy học ở Yên-hóa, hỏi truyện lại các cố-lão, các ông nói: «động Hoa-lư là chỗ vua Đinh lúc còn nhỏ cùng lũ trẻ chăn trâu lấy bông-lau làm cờ tập trận ở đó, còn Trường-yên là chỗ *ngài làm vua, hai chỗ cách nhau xa*».

Nhân vậy tôi có buổi đi xem động Hoa-lư, xin viết bài này để hiến các độc-giả tưởng cũng là câu truyện có bổ ích cho lịch-sử nước nhà vậy.

Nhớ hôm ấy là ngày rằm tháng tám năm Mậu-thìn, niên-hiệu Bảo-đại thứ ba, tôi cùng vài người quen thuê một cái thuyền đi từ bến đò Đế đến địa-phận xã Uy-tế độ hai giờ, thuyền đậu ở bến, người phải lên bộ (động thuộc về làng Uy-tế, huyện Gia-viễn), đến đó mượn người hướng-lộ. Đi bộ chừng ba cây số đến một rẫy núi thiên-trùng vạn-điệp, cây cối um tùm, núi non sanh ngắt. Truyền rằng trong động có nhiều thứ gấu rữ, bọn tôi 6 người, mỗi người cầm một cái gậy, làm gậy chống và để phòng thân. Người hướng-lộ đi trước, trèo qua một rẫy núi khá cao, chừng một giờ sang đến bên kia. Nghỉ chân một lát rồi vào trong động dạo xem; giữa có một ngôi đền hai tòa, trong khắc ba chữ «Hoa-lư động» bằng đá ở trên cửa. Chúng tôi vào chiêm bái rồi ra bái-đường ngồi nghỉ để nhìn qua phong-cảnh. Trông bốn bên núi mọc như thành không có chỗ nào hở cả. Đại-thế động ấy quay mặt ra sông Đế là hướng tây-bắc, diện-tích rộng chừng 60 mẫu An-nam, ngoài cái đền ấy ra không có di-tích gì cả, đầy khu đất toàn là lau lách và cỏ bái. Dân gần đấy cứ vào cắt cỏ đem bán lấy tiền chứ không giồng cây cối gì. Đền ấy là dân gần đấy lập lên thờ, vì lối vào không tiện nên ít ai đi lại. Ngày ấy là tiết trung-thu mới thấy có đống gio vàng, đốt vào chiều sáng thời phải.

Nhân khi ngồi nghỉ người hướng-lộ chúng tôi là người Uy-Tế có thuật truyện rằng: « Vua Đinh lúc còn bé theo mẹ về ở xứ này đi chăn bò cho chú, thường vào động lấy hoa lau làm cờ tập trận, sau nhân được ở trong động một viên ngọc, ngài cho là điềm lạ mới giết bò để khao quân; cái chỗ giết bò nay hãy còn ở đầu làng Cầu-mồ. Vì việc ấy ông chú đuổi đánh, ngài chạy thẳng xuống bến đò Hoàng-long, gần bến đò có một cái núi, ông chú không đuổi nữa cắm dao ngồi đấy, ngày nay gọi là: Núi-cắm-gươm. Còn ngài sang qua đò là đất Trường-yên, ngày sau làm vua mới đóng đô ở đó, nay còn đền thờ. Từ động Hoa-lư đến bến Hoàng-long cách xa đến 10 cây số, người đời sau theo lối ngài chạy, đắp một con đường từ bắc sang nam gọi là đường Kiến-thiết làm kỷ niệm. »

Chúng tôi chơi trong động độ 3 giờ rồi mới ra không gặp thấy sự gì kinh ngạc cả.

Xem như thế, sách sử chép là vua Đinh đóng đô ở Hoa-lư là nói xứ ấy thuộc về Hoa-lư mà thôi, chứ «Trường-an» ngày nay dấu thành cũ hãy còn, mà động Hoa-lư 4 mặt đều không có cửa, quyết không phải là chỗ đóng đô.

Lại có điều này tôi xin kể hết. Chữ «Hoa-lư» trong sách thời chữ « lư 閭 » này, trong động này thời lại khác, chữ « lư 櫨 » (chữ phẫu 缶 đứng bên chữ 盧) nghĩa là lò, lấy ý rằng như cái hỏa-lò vậy. Hai chữ ấy nghĩa khác nhau.

Tôi nhân buổi chơi này trước là giãi tấm lòng sùng bái bậc anh-hùng nước nhà, sau giải quyết được cái vấn-đề nghi-sử, có làm bài thơ kỷ-sự, nguyên bằng chữ nho :

聞道華閭往事傳

Văn đạo Hoa-Lư vãng sự truyền,

升臨一望一悠然

Thăng lâm nhất vọng, nhất ru nhiên.

英雄用武非無地

Anh-hùng dụng vũ phi vô địa,

勝國開基自有天

Thắng quốc khai cơ tự hữu thiên.

玉壘寒光冲斗氣

Ngọc tỷ hàn quang xung đẩu khí,

蘆花故壘帶秋烟

Lư hoa cố lỹ đới thu yên.

神州訪後催詩思

Thần châu phỏng hậu thôi thi tứ,

明月清風載滿船

Minh nguyệt thanh phong tải mãn thuyền.

Lược dịch nghĩa ra Quốc-âm :

Tên động Hoa-lư những thấy truyền,
Bấy lâu nay mới một hồi lên,
Đất còn phẳng phất tường oanh-liệt;
Giời khéo phô bầy thế tự-nhiên.
Dấu ngọc mịt mờ mây bạc tỏa;
Chòm lau hiu hắt lá vàng chen.
Hồn thơ, truyện cũ, tình lai láng;
Giăng gió khi về chở cắn then. (1)

CỬ-NHÂN **Phạm-xuân-Quang**
Ninh-Bình

(1) Chở cắn then: thuyền chở đầy nặng, nước mấp mé đến then ngang thuyền

Thần-đồng 4 tuổi

Bên nước Mỹ mới phát hiện một đứa trẻ thần-đồng, mới có 3 năm 10 tháng mà về đường thí-nghiệm tâm-lý dẫu các giáo-sư và học trò trường Đại-học cũng không bằng. Đứa trẻ đó đã thuộc chữ Hy-lạp, đã biết cách thức phương-trình về Hóa-học, lại nói được tên các danh-nhân trong thế-giới và tên các kinh-đô các nước, đêm nào va cũng xem sách đến 11 giờ mới ngủ. Người cha làm quản-lý một nghề Bảo-hiểm, ông ta nói truyện với người ta rằng: con tôi trong một năm nữa sẽ cho vào trường Cao-đẳng tiểu-học.

Đó là điện-tín Nữu-ước, cứ như tin ấy thì đứa bé này đáng gọi là thần-đồng thật; nhưng theo như lời người cha thì ra bên Mỹ không hạn tuổi thi tốt-nghiệp và tuổi vào trường Cao-đẳng tiểu-học ư ?

NAM-MAI

80, Phố hàng rượu **Nam - định — Tonkin** *Giây nói số : 53*
Bán xe đạp, xe nhà, các đồ phụ tùng về xe, các đồ sắt.
Một hiệu to nhất tỉnh Nam. Có hiệu nhánh ở Thái-Bình nữa.

TIỂU-SỬ MỘT NHÀ THI-HÀO GẦN ĐÂY

"Ông TÚ XƯƠNG"

Ông *Trần-Tế-Xương* (陳際昌) ở làng *Vị-xuyên*, tổng *Đông-mạc*, huyện *Mỹ-lộc*, tỉnh *Nam-định*. Ông sinh năm *Canh-Ngọ* tức là năm 1869, khi còn bé học rất thông minh, nhưng hay đãng tính, ấy chính là một cái bệnh chung của các bậc đại thông-minh cùng các bậc đại-tài đó. Năm ông mới 17, 18 tuổi đã nổi tiếng là người học trò giỏi. Lúc bấy giờ hẳn ông coi sự tranh lèo dật giải ở chốn trường-ốc, tưởng dễ như trở bàn tay. Ấy là vì: phần thì ông tự phụ là thông minh, phần thì ông lại sinh-trưởng ở xã *Vị-xuyên* là chốn thanh-danh văn-vật, thời bấy giờ trong làng ông kể đã có đến bốn năm cụ tiền-bối thi đỗ đại-khoa và nhất là cụ *Trần-hy-Tăng*, liên trúng tam-nguyên làng khoa-cử ai ai cũng đều biết tiếng.

Ông thấy cái bước trước của các Cụ đã từng oanh-oanh liệt-liệt như thế, thành ra có chứa chan những điều hy-vọng về bước sau này. Nhưng trời kia đã định, bắt long đong để luyện lấy tài năng, mà thực vậy, nếu để cho ông được thanh-thản trên bước khoa-trường, thì làm gì trên bãi *Vị-Hoàng-Giang* đến nay hình như vẫn thấy cái hồn thơ còn phảng phất.

Ông bắt đầu lều chiếu đi thi từ năm 19 tuổi, mãi đến khoa *Giáp-ngọ* là khoa cụ *Cao-xuân-Dục* ra làm chủ-khảo, thì ông mới đỗ được *Tú-tài*. quyển thi của ông bị tì-ố, song văn thì tốt lắm, nên *Cụ-Cao* cũng cố lấy đỗ Tú-tài. Khi xướng danh, *Cụ-Cao* có bảo các học trò rằng; *ta nay thay mặt chiêu-đình ra kén chọn nhân-tài, vậy ta lấy các học trò đỗ là cốt ở văn-chương, chứ không phải là kén người ở cái tính tỉ mỉ!!* Ấy các bậc *Đại-Thần* thay vua khai khoa thủ sĩ, mà lại biết chấp kinh tòng quyền như *Cụ-Cao* thì ít có. Còn phần nhiều người thì câu-nệ quá. Hiện nay ta hồi cố lại xem các cách thi cử lúc trước, thi chắc ai cũng cho rằng quá nghiệm. Nào chỉ những chữ húy mà thôi đâu, còn cả đến lệ đỗ, di, câu, cải cũng ngặt nghèo.. Hễ người học trò nào mà đã phạm vào các thể-lệ ấy, thì dù văn hay. văn dởi đến đâu mặc lòng, cũng đành phải yết tên ra bảng con, nghĩa là phải loại.

Sau khi đã đỗ *Tú-tài* rồi, ông phấn trí học-hành, giao-du nhiều, xem xét rộng, nên văn-chương càng ngày càng hay. Ai biết ông cũng phải bảo rằng ông là hay chữ. Nhưng ông thi mà không đỗ được một tí Cử-nhân, để lấy lối đi thi hội, thi đình, không phải là tại văn-chương, chỉ tại ông hay những tính. Ông thi khoa nào cũng phạm trường-qui. Nay cứ xem câu thơ của ông thì biết:

Rõ thật nôm hay mà chữ dốt,
Tám khoa chửa khỏi phạm trường-qui

Ông bảo rằng ông chữ dốt, nghĩa là thi không đỗ thì là dốt, chứ có phải thật là dốt đâu. Xem như văn thi của ông nhiều lần kinh-nghĩa và thơ phú, cả mấy dấu đều phê ưu, phê bình. Nhiều khi họ lại trích văn thơ của ông để in vào văn-trường nữa..

Còn về phần văn nôm của ông thực là có đặc-tài, nói thành thơ mà đùa cũng thành thơ, lời lẽ rứt là lưu-loát, ý tứ rứt là xâu xa, xem như bài thơ «Hỏng-thi» có câu:

Học đã toi cơm nhưng chửa chín,
Thi không ngậm ớt thế mà cay.

bài «Thương đạo học nho suy» có câu:

Sĩ khí dụt dè gà phải cáo,
Văn thi liều lĩnh đấm ăn sôi.

Sét về gia-thế, thì Cụ thân-sinh ra ông trước kia làm việc quan về bộ Lễ, sung chức «*đăng-sĩ-tá-lang*». Sau khi ông đã thi đỗ *Tú-Tài* rồi, thì *Cụ* xin hồi hưu, tháng ngày nhàn tản, khóm cúc chồi lan, thoát vòng kiềm tỏa bước ra ngoài, mặc sức điền viên vui với thú, câu thơ chén rượu, ván kiệu quân cờ. Trước kia *Cụ* làm việc quan, vẫn dữ được thanh-khiết một niềm, đến sau ra coi việc dân, cùng giữ được công bình một mực.

Trong bài phú «Hồng thi» của ông có câu:

Tú đốt bảng trong năm giáp-ngọ, nổi tiếng tài hoa;

Con nhà giòng ở đất Vụ-xuyên, ăn phần cảnh nọng.

(*phần cảnh nọng tức là cái cổ lợn*). Câu này có ý nói rằng làng *Vụ-xuyên* lúc bấy giờ, các quan tư cũng nhiều, các chân khoa mục cũng lắm, thế mà Cụ được dự vào phần cảnh nọng tưởng cũng là bậc danh giá trong làng vậy.

Sét về hình-dung, thì người ông hơi cao trán to, mồm rộng, da trắng, mắt dài, lúc niên thiếu coi vẻ rất là tuấn tú, tiếc rằng tiếu-tượng của ông hiện nay không có, là vì lúc sinh-thời, ông không có chụp ảnh một lần nào.

Ông không những là văn hay, ông lại thêm có cái sức khỏe nữa, vì rằng khi ông còn bé ở nhà có học võ-nghệ. Trong vòng từ 18 đến 25 tuổi, thì người ông khỏe lắm, hễ tối đến mà không vác được thức gì thật nặng để cho người mệt đi, thì thực là khó lòng mà ngủ đi được,

Người ông đẹp, mà tiếng ông lại cũng tốt. Giọng ông hát, hay là ngâm thơ thì nghe thực hay thực thú. Ấy cái trò đời cũng chả lấy chi làm lạ, phàm người hễ đã có tài thì là có tình, lúc còn thiếu-thời, ông cũng hay chơi bời lắm. Thời bấy giờ học-trò Nho còn danh-giá lắm, bọn con gái có nhiều người mê ông và thích ông.

Có một bữa kia, ông đến chơi nhà một người bạn, nhà hàng sóm người ấy có một người đàn-bà đã hóa ba đời chồng, mới vào trạc 30 tuổi, lẳng-lơ trai-truốt, coi vẫn còn xuân. Người đàn-bà đã biết tiếng ông, ngẫu nhiên hôm ấy đứng ở nhà dòm sang trông thấy ông, liền về phòng trang-điểm rồi sang chơi ngay nhà người bạn ông. Lúc đến chơi ngồi ở nhà ngoài, mà hai con mắt cứ nhìn vào trong nhà tại chỗ ông ngồi, rồi ra bộ thu ba tống tình, ông thấy thế miệng cười tủm-tỉm, rồi buột mồm hát lên một câu rằng:

Ba mươi, ba bận chồn chồng,
Còn toan điểm phấn tô hồng chồn ai?

Lại một lần kia, ông cũng đến chơi nhà một người bạn. gặp lúc trời mưa ngồi buồn quá, ông mới đi ra hè xem nước dọt danh chảy, thì bỗng đâu trông sang bên nhà láng-giềng có một người con gái rất xinh đẹp, đương đem chậu thau đồng ra lấy nước mưa để rửa quả dưa hồng. Ông trông thấy thú quá, liền cao hứng đọc lên rằng:

Ước gì anh hóa ra dưa,
Để cho em rửa nước mưa chậu đồng.
Ước gì anh hóa ra hồng.
Để cho em bế em bồng trên tay.

Ông tính lại hay ham thích những bực danh-ca, nghề đánh chầu ông rất là sành lắm, nên thơ ông có câu:

Ví dù vua mở khoa thi trống,
Lạc-nhạn xuyên-tâm đủ ngón chầu.

Ông thích chơi những câu ca tiếng hát, để di dưỡng tính tình, ấy cũng là cái thú chung của các bậc văn-nhân tài-tử. Nhiều khi cao-hứng ông tự làm ra các bài hát, rồi bắt ả-đầu hát để ông nghe.

Tính ông hay chơi như thế, thì tài nào mà ông chả túng, ông chỉ túng tiền để chơi thôi; trong khi túng ông đã có câu rằng:

Khi túng toan lên bán cả trời,
Trời cười thằng bé nó hay chơi.

Túng tiền chơi mà ông đã toan bán cả trời, thời tưởng cũng thú-vị thật. Nếu không phải là bậc văn-nhân, có tính khoáng-đật như ông. thì sao có được cái khẩu-khiếu lạ đời như vậy.

Xét về gia-tư, thì lúc sinh-thời ông là người rất phong-lưu, cụ thân-sinh ra ông trước kia đã nổi tiếng là nhà giầu có, Lúc *Đại-Pháp* đem quân hạ thành *Nam-Định* lần thứ hai, dân tình xao-xác, giặc cướp tứ tung, gái cũng khó dữ được trinh, giầu cũng khó giữ được của. Bấy giờ có dư-đảng giặc *Cờ-đen* đã mấy lần định đến ăn cướp nhà Cụ, song Cụ cũng nhờ được có bọn gia-đinh giỏi, nên không

mất mát tí gì. Vì rằng trong thời quan *ta*, làng *Vy-Xuyên* có được phép luyện-tập một bọn võ-sinh; bọn võ-sinh ấy gặp cơn nguy-cấp thì đem ra ứng-dụng.

Ông nhờ được có cái cơ-nghiệp giầu có của *Tổ-phụ*, ông giao-du rất rộng, bấy giờ đã nức tiếng là tay hào-hiệp. Vì thế các danh-sĩ đương thời ở các nơi xa cũng đều tìm đến chơi.

Ông là người rất là thư-thản, nhất sinh không phải lo đến cái kế gia-đình bao giờ cả. Lúc còn bé thì ơn cha nhờ mẹ lên xe xuống ngựa, cửa rộng nhà cao, rước thầy rước bạn, tiền bút giấy, việc sách đèn, dầu tốn kém đến bao nhiêu cũng là không ngại.

Đến lúc ra ở riêng, thì ông lại được một bà vợ hiền, thực trung-hậu, rất đảm-đang, bà chỉ chuyên buôn bán để lo liệu tất cả các công việc trong nhà. Đến cả như việc con đi học, chồng đi thi, nhất nhất cũng là một tay bà cáng đáng cả. Trong bài thơ "Đi thi" của ông có câu:

Đưa chân vợ tốn hai đồng chẵn,
Sờ bụng thầy không một chữ gì.

Bà thì chuyên nghề buôn bán thóc gạo ở chốn bến *Mom*, thuộc về đất làng *Đệ-tứ-ngoại-trang*. Chỗ bến *Mom* trước là một nơi buôn bán rất là thịnh-vượng, kẻ đi người lại, trên bến dưới thuyền, coi vẻ thực là sầm-uất. Ông có bài thơ tán-dương cái đức-tính của bà rằng:

Quanh năm buôn bán ở Mom sông,
Nuôi nấng nắm con với một chồng,
Lặn-lội thân cò khi quãng vắng,
Eo-sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười xương dám kể công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ-hững đã như không,

Bài này hai câu thất, bát, ông lại thống-mạ những kẻ bạc-tình, coi chồng như người dưng nước lã. Xem bài thơ này, tôi không khỏi ngậm-ngùi than rằng: đời này phong-hóa suy đồi, lòng người đen bạc, thần kim-tiền ngày thêm trọng, đạo phu-phụ ngày thêm khinh, thực là hiếm thấy các bậc hiền-phụ như thế nữa. Các bậc hiền-phụ đời trước, có người chịu lầm-than khốn-khổ, lo ngược chạy xuôi để gánh vác giang-san cho chồng. May ra mà ông chồng được thành-đạt như ai, thì ơn trên tử ấm, thê phong, hiển-vinh cũng được đượm chung hương trời. Bằng không ra nữa thì áo xiêm giùm-bọc lấy nhau, cũng giữ trọn cái chức-vụ tề-gia nội-trợ, suốt đời không từng có một lời ta thán.

Ông là người có tính trung-trực, phàm hễ thấy điều gì hay việc gì mà trái ngược với luân-thường, bại-hoại đến phong-hóa, thì ông nhất thiết can-thiệp đến ngay. Ông không sợ ai trách oán và cũng không sợ ai thù hiềm. Vì vậy trong lúc bình-sinh, ông có làm nhiều những bài thơ mỉa riễu người đời.

Các người đương-cục thì đều có ý dận ông và tức ông, song những người ngoại-cục thì lại khen ông và bảo rằng ông làm như thế thực là một cách khuyên dăn đời nhiều lắm, hay thì khen, hèn thì chê, tưởng cũng là lẽ thường ở đời vậy.

Thành ra lúc ông còn bình-sinh, hễ ai có làm điều gì đê-mạt, hay có phạm-lỗi gì xấu-xa, thì phấp-phỏng chỉ sợ ông biết đến chuyện, rồi ông lại làm thơ riễu chăng. Cũng có người thì tự biết mình có lỗi, tự hạ đến thú với ông và xin ông đừng làm thơ nữa, sợ rằng tiếng tăm vỡ-lở lại có nhiều người biết.

Lúc bấy giờ, ở chốn thành *Nam* sau loạn-lạc. phố-phường tụ-tập, đông-đúc hơn xưa, nhưng mà phần nhiều dân-cư tứ chiếng ăn sổi ở thì, thói phép nhố-nhăng, nhiều điều đáng ghét; có nhà thì cha con lục-đục, có nhà thì vợ bắt nạt chồng. có người thì keo-bẩn tuyệt-trần, lại có kẻ thì hợm tiền hợm của. Ông thấy những sự ngứa tai, trái mắt ấy không thể đừng được nên mới có câu thơ sau này:

Nhà nào thói phép con khinh bố,
Mụ nọ tranh chua vợ chửi chồng.
Keo-cú người đâu như cứt sắt,
Tham-lam chuyện thở những hơi đồng.

Bắc, Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?

Lại như ông sư làng *Vy-Xuyên* chả biết có tội tình gì mà cũng bị phải tù, ông có câu rằng:

Quảng-đại từ-bi cũng phải tù,
Hay là sư-cụ vụng đường tu.
Tụng kinh cứu-khổ ba trăm quyển,
Ý hẳn còn quên một phép phù.

Một lần kia, tại tỉnh *Nam-Định* khuyết chân phòng-thành, các người trong thành-phố ra ứng cử cũng nhiều, người thì giỏi chữ nghĩa, kẻ thì sẵn kim-tiền, song cũng đều không địch nổi với ông *Quản Pháo* là người có nhiều thần-thế quan tây cũng quí, *quan ta* cũng vì. Sau rồi kết-cục lại ông *Quản Pháo* được lĩnh chức phòng-thành, thời bấy giờ gọi là ông Thành *Pháo*, ông có làm bài thơ rằng:

Tượng Tượng, Xe Xe lẻ cả rồi,
Sĩ đen, Sĩ đỏ, chẳng thành đôi,
Đố ai biết được thằng nào kết,
Tốt cũng chui, mà Mã cũng chui.

Sau đó ông *Thành Pháo* làm việc quan được ít lâu rồi mất. Ông lại có bài thơ rằng:

Giấy hồng bó cuốn mượn tay người,
Bao quản công trình, đốp cái thôi.
Kêu lắm lại càng sơ sác lắm,
Chỉ mang cái tiếng ở trên đời.

Ông không chỉ là chê người mà thôi đâu, người nào làm việc gì tốt ông cũng có thơ khen. Này xem như bài thơ ông khen người đàn bà hóa chồng lúc còn trẻ tuổi, mấy phen biến cố, một dạ sắt son, hương lửa ba-sinh, quyết chẳng ôm cầm thuyền ai như kẻ khác.

Mình nghĩ có mình thực gớm ghê,
Chén son trọn vẹn nước non thề.
Cam thân gái hóa khi còn trẻ,
Như chuyện chồng xa lúc chửa về.
Nói nói cười cười theo lối phố,
Khăn khăn áo áo giữ màu quê.
Rện còn tấp tểnh vương tơ mãi,
Cô chả như ai về mặt hề.

Sét về phương-diện giao-thiệp thì ông chơi bời với các anh em rất là có cảm tình. Nhiều người thích ông, thường hay đến chơi với ông luôn. Có người phải vắng ông chừng năm, ba ngày, thì lấy làm rất khó chịu. Thành thử hễ ông ở nhà ngày nào, thì ngày hôm ấy trong nhà đông những khách. Các bạn bấy giờ đều công nhận rằng ông là người hiếu khách. Nhiều khi khách đến chơi nhà ông đông quá, đêm đến không có chỗ ngủ, đành phải cùng nhau thức nói chuyện cho đến sáng. Vì thế trong bài thơ "Đêm đông" của ông có câu:

Nào ai là kẻ tìm ta đó,
Đốt đuốc soi lên kẻo lẫn nhà.

Trong đám khách đó, cũng có người đến chơi nói chuyện, cũng có người đem văn thơ của mình đã làm đến nhà ông để bàn bạc câu được câu chăng. Này cái cách bàn văn-chương của ông thì lại kỳ quặc quá; ông hay tâng những người dốt, ông hay phỉnh những người ngông, vì thế thời bấy giờ, trong đám làng Nho ở *Nam-thành* có nhiều người tự phụ đặc-biệt, có nhiều kẻ ngông cuồng lạ đời, ấy cũng bởi tay ông đào-tạo nên cả. Trong đám những người ấy, có người khen ông là người biết điều, có người thì bảo là anh ấy chơi được. Thành thử rồi người nọ bảo người kia, kẻ này mách kẻ khác, nên cái danh-vọng của ông cứ mỗi ngày lan đi càng xa.

Danh tiếng của ông sở dĩ khắp ai ai cũng biết, phần thì bởi cách ngôn-ngữ giao-thiệp, số là không bao giờ ông lại làm mất thể-diện của bạn trong đám đông người, hoặc bạn ông có thua lựa kém về thì ông che trở bênh vực, hoặc bạn ông mà có chuyện trò lỡ lời, thì ông tìm cách nói tế toái cho trôi đi.

(Sẽ tiếp theo)

Chu-Cảnh **Phạm-đình-Kỳ**

THĂM THÀNH GENÈVE

Kinh - đô vạn - quốc ở nước Thụy - sỹ

(Tiếp theo số 18)

Ngày 7, chín giờ sáng tại nhà khách-sạn *Victoria*, trên cái thềm dừa đường, trước bờ hè chung quanh ai nấy đã chỉnh - tề đứng nguyên một chỗ rồi, có quen nhau chỉ sì sào vài tiếng chào hỏi sì sằng mà thôi, nghìn mắt đều trông lên cái ống truyền-thanh (haut parleur) đặt ở từng thứ ba nhà khách-sạn, đợi nghe ông thủ-tướng *Streseman* phái-bộ *Đức* đọc bài tuyên-cáo. Đợi đến một giờ chẳng thấy phái-bộ *Đức* nào cả, mà ống truyền - thanh tịnh không thấy thở ra một tiếng, thầy đội-xếp đứng giữ trật-tự, mình nhỏ bằng con bò mộng cũng phải nghiêng người lấy tay tựa vào cái thắt lưng da, anh hàng bán báo lúc ban đầu đi đi lại lại nhanh nhẹn như cắt, tiếng rao hàng to hơn lệnh vỡ, bây giờ kêu cũng uể oải, đi cũng lệt sệt, ký - giả lúc ấy ngáp mới có vài chiếc. May thay ! ông *Streseman* ở bên *Đức* chưa đến, nếu ông tới *Genève* rồi mà tuôn một hồi tiếng *Đức* thì không những ngáp mà thôi, có lẽ đến ngủ gục dừa đám nữa. Biết rằng đợi cũng vô ích, ký - giả liền đến phố *Paquis* vào nhà hội *Vạn-quốc*.

Nhà này đối cửa thành *Genève* thì cũng không lấy gì làm cao cho lắm, song rất rộng rãi, chung quanh cây cối um-tùm, mùa hạ thực là mát mẻ. Vào trong tấp-nập những người mà toàn thị người ngoại-quốc đến xem cả, vì hôm nay hội không họp tại khách-sạn *Victoria* thì người chen nhau quá nêm cối. Nhà này chia ra nhiều buồng lắm. Bên phải là buồng giây thép, đếm ước độ 7, 8 cái, chỉ để phóng-viên báo các nước dùng, bên trái là phòng khách cho hội-viên hội *Vạn-Quốc* nghỉ và phòng hội-đồng họp. Người hướng - đạo (guide) dẫn vào trong. Trông rất đẹp mắt, hội-viên ngồi một khu, báo-giới ngồi một khu, còn chung quanh cùng từng trên để cho người ngoài đến nghe. Ký-giả nhìn hàng kính lóng-lánh mặt trời xuyên qua, ngắm mặt nước *Lê-Măng* (Lac Léman) một làn xanh biếc, sực tưởng đến cái thế - giới sau này ở thời-đại hoàng-kim, bốn phương phẳng-lặng, vạn dân hợp - hòa ; bỗng đâu người hướng-đạo cầm dùi đập trên bàn thình một cái, tiếng to tưởng bằng đại-bác, giật mình trông lại thì thấy người hướng-đạo đương rủ-rỉ bên tai rằng : Ấy ! Tiếng ấy là tiếng ông Chánh-Hội hội Vạn-Quốc ra oai đó.

Kỳ hội - đồng năm nay hội Vạn - Quốc bàn - luận lắm vấn - đề can - hệ, mà phần nhiều vấn-đề kinh-tế cả. Vấn-đề chính - trị thì về mặt *Âu-châu* phải bàn về vấn-đề rút it quân ở *Rhénamie* (*Nước Đức*). Vấn-đề thiểu - dân (Questions des minorités) thiểu-dân nước Đức ở *Ba Lan* (Pologne) thiểu-dân *Hung-Gia-Lợi* (*Hongrie*) và *Lỗ-Mã-Ni* (Roumanie). vân vân.. Về mặt Mỹ-Châu thì bàn về vấn-đề kéo nước Mỹ vào hội Vạn - Quốc. (Chính nước Mỹ trước kia đầu tiên ra hội Vạn - Quốc do giám - quốc *Wilson* trình hội-nghị *Versailles* tờ dự thảo ngày 14 Février năm 1919)- về mặt *Viễn-đông* thì có vấn-đề *Trung-Nga* xung đột vì con đường hỏa-xa *Mãn-Châu*, và vấn-đề bãi các hòa-ước bất bình-đẳng do đại-biểu *Trung-hoa Chao-Chou-Wu* khởi xướng. Còn vấn-đề kinh-tế thì nào vấn-đề đường miếng, nào vấn-đề than mỏ, nào vấn-đề *Liên-Âu* (Fédération européenne) do thủ - tướng *Briand* khởi luận. Xét cho kỹ những vấn-đề chính trị kể trên phần nhiều liên can đến vấn đề kinh-tế, như vấn-đề rút quân ở *Rhénamie* thì dính giáng đến vấn-đề *Đức* bồi thường, mà vấn-đề bồi-thường có liên can đến vấn-đề tài-chính; nếu Đức không bồi thường thì *Pháp* phải lưu hành giấy bạc, lấy tiền ở *Pháp-quốc-ngân-hàng* mà trả nợ cho *Mỹ*, nếu lưu hành nhiều giấy bạc

quá, thì đồng phật-lăng tất giảm giá. thức ăn đắt lên, thế là xã-hội quẫn bách như nước *Pháp* hồi năm 1926 vậy. Lại như vấn-đề bãi hòa-ước bất bình-đẳng chẳng qua là vấn-đề giảm thế lực tư-bản *Âu-Mỹ* và trái lại tăng giá trị tư-bản *Trung-Hoa* trên mặt *Thái-Bình-Dương* mà thôi. Còn vấn-đề đường miếng các ông thượng-thư, các ông thủ-tướng đều bàn đến cả, và tranh luận kịch liệt lắm. Giá đường bán lẻ năm nay có 495 một cân tây, mà khi xưa thì một cân phải 7, 8 quan, các nhà sản-xuất tính ra thiệt tới hàng triệu phật-lăng. Mà có thế thôi đâu, đường nay chất đống ở mấy nơi như *Java*, *Singapour*, *Marseille*, *Havre*, *Londre* kể có mấy vạn tấn thành thử ra giá đường càng ngày càng sụt giá. Có ông bàn phải hợp nhất các công-ty làm đường, phải hạn chế sự sản-xuất, có ông bàn phải khuyếch chương thị-trường. Mà thị-trường nào? chẳng qua Viễn-Đông đó mà thôi. Tính ra nước *Trung-Hoa* số dân 400.000.000 người, nước *Việt-Nam* 25.000.000 người, nước *Ấn-Độ*, *Hà-Lan* 40.000.000 người. Nước *Ấn-Độ* và *Diến-Điện* 300.000.000 người, nếu mỗi người mỗi năm hơn bù kém ăn 5 cân đường thì số đường động lại ngày nay chẳng mấy lúc mà tiêu thụ đi hết. Nhưng khốn thay! dân *Viễn-Đông* hãy còn dùng phần nhiều đường bản-sứ, thành thử vấn-đề ấy phiền phức lắm. Muốn tiêu thụ số đường kia tất phải cho đường miếng đánh lại đường phèn, cho đường cải ngọt (betterave) đánh lại đường mía. Ấy cái cạnh tranh lối mới là thế, chinh chiến lối mới là vậy.

Vơ vẩn trong phòng hội-đồng hồi lâu rồi trước khi ra, đứng xem cái địa-đồ thế-giới. Trên cái bản-đồ này phàm nước nào có chân trong hội Vạn-Quốc đều vẽ mực đỏ cả, nước Nam mình chẳng được Vạn-Quốc mời như thể nước Đức, mà cũng chẳng cần cục như thể nước *Y-pha-Nho*, song được cái số đứng dưng nó dẫn tới cái đại hùng biện của các nước liệt-cường. Trên cái hình chữ **S** cũng thấy mùi đỏ.

11 giờ 15 thăm nhà *Vạn-Quốc-Sự-Vụ* (Bureau international du travail) đến 3 giờ lên vườn *Parc de l'Ariana* xem khánh thành nhà hội *Vạn-Quốc* mới, rồi vào khoảng 7 giờ ra tầu trở về *Grenoble*. Sau đó, sực khi nhớ đến cảnh tượng kinh-đô Vạn-Quốc, trong tâm hồn luống những mơ màng phảng phất, mong sao quốc-dân mình cùng nhau tiến bộ thường có ngày cất gót tới Genève, để đua chen đàm luận cùng người *Vạn-Quốc* mà hưởng chung cái hạnh phúc hòa bình.

Trần-duy-Đạm

TAM-KY THU' QUAN

DIRECTEUR

NGUYỄN-PHÚ-KỲ

AVENUE MARÉCHAL FOCH

VINH

Là một hiệu sách lớn.

Có bán **An-Nam Tạp-chí**, và đủ các thứ sách, vở, giấy, bút...

Anh em chị em hâm mộ thể-thao nên đọc:

TUẦN BÁO

BAC-KY THÊ-THAO

Xuất bản ngày thứ ba

TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ Ở SỐ NHÀ 37 PHỐ HÀNG QUẠT HÀ-NỘI

Giá mua báo: Một năm 3$50.
Sáu tháng 1.80.
Ba tháng 1.00.
Ngoại quốc: Một năm 4.50.

Đọc báo "Bắc-kỳ Thể-Thao" tức là cổ-động cho nền thể-thao nước nhà ngày thêm bền vững.

CẢM-TƯỞNG ĐỐI VỚI SỰ CHÁN ĐỜI CỦA CÁC THANH-NIÊN NAM, NỮ

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, đối với đời người đã thành ra có hạn, ra một điều lệ chung của tạo-hóa, khắp từ kẻ chợ tới thôn-quê, từ trẻ chí già ai là chẳng hiểu. Tuy cũng có người ra ngoài luật-lệ, nhưng phỏng trên đời đã được mấy ai, sống bầy tám mươi đã là thượng-thọ.

Đem sự sống của loài người mà tỷ với ít nhiều giống động-vật khác, hay là loài cây cối, thì thật là ngắn ngủi cách xa, có thứ sống ba bốn trăm năm, có thứ nghìn năm, lại có thứ ngoài nghìn năm. Sự sống của loài người đã chóng qua, chóng hết, sáng loè như chớp, phút chốc như mưa; mới oe tiếng khóc thoát đã bạc đầu, nào những kẻ anh-hùng hào-kiệt, nào những người tài năng xuất chúng, đã gây dựng biết bao công việc ích quốc lợi dân, danh thơm truyền tụng; lại những người gác tía lầu son, quần hồng yếm thắm, gương thiên-cổ treo tranh thục-nữ, vẻ yêu-kiều đáng mặt tài-danh; thậm chí đến những phường sống hại nhân-quần, chết bia miệng thế, rồi chẳng qua cũng lấp vùi dưới ba thước đất, xanh um một nấm cỏ khâu, thảy thảy đều cùng chung số phận, theo luật hóa-công, tiếng thở cuối cùng, thành người thiên-cổ, thế mà thần tai-ương còn ròm rỏi không thôi; hết thủy lạo phong ba, đến thời khí dịch hạch, hại người hại của vẫn chưa chán tay tàn phá . . . Sự kết-liễu chung, tiền định của đời người đã là một điều đáng phàn nàn; thế mà còn có lắm kẻ hy sinh tự sát, coi tấm thân ví tựa lông hồng, vả lại những người hy-sinh đó phần nhiều là những bậc thanh-niên, cái thời-kỳ tiến thủ đang độ xông-pha đang tuần bay nhảy, biết bao là hy vọng lai láng cho nhà cho nước, mà gần đây biết bao là người tài có, đức có, tiền của có; sao tấm thân kia đến nỗi bỏ hoài!

Nếu một nước mà bao nhiêu khối óc non nớt đều bị thần chết chiếm đoạt, thì nước sẽ ra sao? Sẽ phải tiêu-tán chắc chẳng sai! Vậy ta kíp tìm phương bổ-cứu để ngăn cản cái vạ tầy đình ấy khỏi một ngày một lan rộng mà chiếm lấy phần đa số trong xã-hội. Trước hết ta phải tìm đến nguyên-nhân vì đâu nên nỗi, mới mong giải-thoát khỏi vòng nguy-cấp; gốc có khỏi mối mọt, cây mới được vững bền. Xét ra cũng có nhiều nguyên-nhân, một phần lớn là ở ái-tình ra đó.

Nay xin hãy đem thiển-kiến bàn lược ra đây họa chăng có chút bổ ích cùng các bạn thanh-niên vậy.

Xứ ta từ khi ngọn phong-trào bên *Tây phương* tràn sang, đem đuốc-tuệ mà giắt giùm dân chúng lên đường tiến-hóa, nào là tinh-thần, nào là vật-chất, hết thảy đều một ngày một mở rộng mãi ra, thật là một mối hạnh-phúc rất to cho nước *Việt-Nam* ta. Tuy vậy trong sự tiến-hóa cũng có điều bất-hạnh cho ta là do ta sai-lạc, đem thi-hành một cách quá ư mạnh bạo một điều mà chưa phải là thời-kỳ sậu tiến chung của quốc-dân là «*Ái-tình và hôn-lễ.*»

Trước kia, khi ta còn theo hôn-lễ cũ thì cái vạ về tình-ái thật là hiếm có, tới nay ở chốn thị thành sự tự-do kết hôn đã tiêm nhiễm đôi chút trong cái óc thiếu-niên thì thường thường thấy trên tờ báo nào là: «*Hồ Gươm phải chăng là mồ bạc mệnh).* – «*Thuốc phiện dấm thanh phải chăng là tiên-dược của bọn thiếu-niên qua khỏi bệnh tình*» hay là *Giải yếm đào thay tơ nguyệt lão. v. v...*» còn biết bao là tấn thảm-kịch gây ra bởi hai chữ ái-tình. Ôi! ái-tình đã nuốt sống biết bao là giai-nhân, tài-tử; độc ác thay mà khiếp sợ thay là cái bể tình!!

Xưa kia việc hôn-nhân ở nước ta là ro quyền định liệu của cha mẹ, tùy con trai hay là con gái vẫn được quyền tự chọn nhưng chỉ được thi hành những khi cha mẹ cũng bằng lòng ưng ý rồi, hay là đã có người đến hỏi hau tử tế, tuyệt nhiên không có như ngày nay cùng nhau trộm ước ba sinh, rồi mới trình bầy cha mẹ,

thẳng hoặc mà lượng trên rủ quyết hẹp hòi, thì mối tình kia đang cùng nhau keo sơn gắn bó, người yêu vì nết, kẻ trọng vì tài, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, bỗng chốc sao rời vật đổi tránh sao cho khỏi sự nhớ thương buồn bã, sẽ gây ra lắm nỗi đoạn trường.

Cũng có khi đôi bên bác mẹ bằng lòng, trẻ thơ gắn bó, kể bề gia-thế thì môn đang, hộ đối, đến nhân - cách thì con giai trông cũng có vẻ con nhà, mặt mũi khôi ngô, đức hạnh hiền hòa, học hành cũng khá, con gái thì tuy không sắc nước hương trời, nhưng cũng trông ý nhị thanh tân, lịch sự đoan trang, đi đứng khoan thai, nói năng thùy mỵ, lại thêm tài nghiên bút, việc chỉ kim có thể tạm cho là giai anh - tuấn gái thuyền - quyên được, duy về tài sản thì có phần sai lệch, nhưng hai khối óc kia cũng chẳng lấy làm quản ngại, những mong chóng tới ngày xum họp, mối tình đằm thắm đã in sâu trong trái tim ; lòng riêng, riêng những mừng thầm, gánh giang san có kẻ đỡ đần, gửi thịt trao xương đã chọn được người xứng đáng. Bao nhiêu nghị-lực tài-năng rắp đem cố sức ganh đua với chúng mong mưu hạnh-phúc mai sau. Trong khi bao nhiêu những hy - vọng chứa chan đang sôi nổi lần lượt phô bầy ra ở trí tưởng hai trẻ, thì thần phá-hoại lù lù kéo đến. Kìa môi-nhân mắng tiếng quan tham, nọ mụ xóm đưa tin cô ả, cái cơ nghiệp nhà tây ruộng cánh, phụ thêm cái danh giá «to tướng» theo sau; hay là món hồi-môn hàng vạn đã đánh lộn với cái cảnh nhà giành ruộng mướn, hay là tay trắng về nhà chồng, trong óc cụ ông cụ bà mà ham phần ưu thắng, khiến ước xưa đành phụ, duyên mới ép nài.

Đó cũng là bởi lòng quá yêu con của cha mẹ muốn con được nên ông nên bà, ra giầy vào dép, ăn trắng mặc trơn mà ép nài con trẻ. Rầu nay có ép uổng đôi chút, rồi sau trước cái cảnh tượng sung sướng chắc là thỏa mãn, có ngờ đâu đến nỗi thương tâm.

Lại còn một nguyên-nhân nữa là lòng nhẹ giạ của bọn quần-thoa tân nhân vật, muốn chọn ý-trung-nhân một cách tự-do luyến-ái, những nhời nói mía-lùn của bọn công-tử-bột đã làm xiêu lòng thục-nữ, tưởng bụng ta cũng như bụng người, đồng tử, đồng sinh, không nhẽ chàng đâu phụ thiếp, không nghĩ chi bước tương - lai đến nỗi một lầm hai lỡ, bị lừa trong lúc quá yêu quá nể. Nay khối tình mang nặng một ngày một to, thì ôi thôi giây cương chàng. Sở đã rẽ lối băng miền, trơ lại chút phận liễu-bồ ngậm đắng nuốt cay ôm lấy cái kết quả muôn đời miệng thế.

Vì muốn bảo tồn danh giá gia-đình, tránh lời phi nghị kẻ làng người nước, cùng với sự sỉ nhục nhiếc móc của cha mẹ, lại thêm ngày đêm thần lương-tâm cắn rứt ; thôi thì hình như bao nhiêu sự xấu - xa đều đổ giồn cả vào một thân một mình, khiến phải thoát nợ trần ai, khỏi nhơ mặt giạn . . .

Trước những cái cảnh huống như thế, ai là người chả phải chán nản cuộc đời, xem chốn nhân-gian trăm chiều gay gắt, coi sự sống ví tựa lông hồng ; đã không biết sống là vui, chắc cái chết đối với hạng người ấy có cái thú vị sâu xa ; dầu người nào có can đảm quả quyết, mà gượng lại được những lúc khó khăn như thế chăng nữa, thì cũng đã như chim phải tên, cánh đã sắp lìa, khó được trăm phần hoàn hảo.

Vậy cứ như ngu ý của tôi, vị thuốc chữa những vết thương xã-hội ấy là việc hôn-thú sửa đổi. Ta nên so sánh hôn - ước trước và hôn - ước hiện thời xem đàng nào có kết quả tốt tươi, hay hoặc không đến nỗi sầy ra luôn luôn cái vạ tầy đình như trên, thì ta nên sét điều gì hay nên giữ, điều gì giở nên thay, để cho thành một nghi-lễ hoàn toàn tốt đẹp mà theo.

Bảo rằng việc vợ chồng trước kia không được tự-do kén chọn thì thật là một điều nhầm to. Tự-do kén chọn, trước ta vẫn có, chỉ vì ta không để ý đến, và không có ai chủ xướng lên một cách rõ ràng, nên ta cho là không có, nay vấn-đề phụ-nữ mới

có người để ý đến, và hô hào lên, ta mới tỉnh ngộ ra mà cho là mới. Cứ xét ngay những câu phương-ngôn của ta :

« *Ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên* » hay là : « *Đôi ta như lúa phơi màu, phải duyên thì lấy tham giầu làm chi* ! »

« *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen.* , . »

Còn biết bao là câu khác đã chứng chỉ một cách rõ ràng việc hôn-ước vẫn được tự-do không ? Lại như câu : « *Gái chê chồng một đồng giả hai, giai chê vợ thì vỗ tay không* » thì lại tỏ ra lòng cha mẹ vẫn tùy lòng con trẻ, không nỡ ép uổng, rầu phải thiệt hại đến tiền của cũng cam.

Còn như sự hôn-ước và hôn-lễ ngày nay thời lối tự-do, giai gái tương thân, thì tưởng là một điều rất khó khăn khỏi có sự sai lầm. Hỏi ngay các bạn thiếu-niên có ai giám quả quyết rằng cách xét người của mình là sành hơn bậc phụ huynh không ? tôi giám chắc là không ; đến ngay xét một người nào trong lúc bình-thời xuất ư bất ý còn khó thay, huống lại muốn xét một người mà trong lúc họ dụng tâm để mua chuộc lòng mình, thì tài nào trông thấy sự khuyết điểm ; giả thử cũng có một đôi khi vì vô ý mà biểu lộ ra, nhưng vì cái lòng xét-đoán đã bị chiếm-đoạt mất rồi, lòng yêu quá mạnh, nên rẫu dở cũng cho là hay, thì còn mong xét đoán cái gì ? Sao bằng đem trao cái quyền lựa chọn ấy cho phụ huynh, vừa phần là hơn tuổi, từng trải nhiều, vừa là người ngoài cuộc, thì chắc là không đến nỗi sai lầm. Tôi nói thế không phải là tôi không muốn cho bạn thanh-niên, mà nhất là riêng về bạn nữ-lưu được tự-do như bên Âu-Mỹ đâu ; Tôi mong lắm, mà bao giờ tôi cũng giữ phần tự-do cho bạn, nhưng tự-do có người dẫn lối khỏi lạc đàng sa vào vực thẳm đó thôi. Chớ thấy nói rằng giao quyền cho phụ huynh mà tưởng lầm rằng : tất cả bao nhiêu những *sự ước mong, thích muốn nhất thiết* là phó mặc cả cho kẻ làm cha mẹ, còn mình chỉ biết đợi ngày làm lễ tơ-hồng là xong đâu. Cái quyền giao phó ấy phải có hạn-chế, nghĩa là lúc con trai hay con gái đã đến tuổi hôn-thú, thì cha mẹ có quyền xem xét lựa chọn, khi nào đã tìm được người vừa đôi phải lứa rồi chỉ bảo cho ta điều hay lẽ thiệt, tính nết người ấy thế nào, lúc ấy lại đến lượt ta được quyền tự-do xem xét một lần nữa, tính nết có hợp nhau không ? nhân cách có như ý ta sở cầu không ? v.v... hoặc thế nào, nên hay chẳng nên, ta đem ý kiến trình bầy cùng cha mẹ rồi sẽ trao lời hôn ước. Mà cần nhất lúc ta đem ý kiến tỏ bầy cùng cha mẹ phải nên mạnh bạo, nói cho rõ ràng, đừng nên theo thói xưa nay, mà riêng về phần nữ-lưu lại càng có nhiều, động nói đến việc hôn-nhân là thẹn thùng e lệ, nói chẳng ra câu, ấp a ấp úng, nửa từ nửa lắc, khiến cho cha mẹ phân vân khó hiểu, lắm khi đã gây ra nhiều chuyện lôi thôi. Đó cũng là một cái hại, tưởng từ nay nên bỏ, giai khôn lấy vợ, gái nhớn lấy chồng là lẽ đương nhiên, ai là người thoát khỏi cái vòng phu-phụ, vả chăng nói thật với người trong nhà thì còn có điều gì ngăn trở nữa.

Đó là hôn-ước, còn về hôn-lễ cũng lắm nơi có nhiều tục phiền phức quá, khiến cho bên nhà trai lắm nỗi khó khăn, thậm chí có khi lắm nhà lấy sự thách cưới làm dịp khoe của với bà con, chót đâm lao phải theo lao, đến khi cưới được người con râu về, thì gia-tài khánh kiệt, công nợ tứ tung, giầu-gia thành ra thù oán, thật là đáng chán ; bậc làm cha mẹ cũng nên thấu tình, tùy gia phong kiệm, thương con ngon rau, sao chóng cho hai trẻ nên bề gia-thất, ấy là một mối hạnh-phúc rất lớn vậy. Phương ngôn đã có câu : « *Lấy vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày sợ kẻ dèm pha* », biết bao người đã phải cái nỗi rẽ thúy chia loan vì thế.

Nói tóm lại thì việc hôn-nhân từ nay ta nên trông cậy vào phụ huynh một phần, và ở ta một phần, chớ nên theo lối cũ hẳn, mà cũng chớ nên tự do quá ; các bạn thanh-niên nghĩ sao ?

Ngọc-Hồ *giáo-học Trà-lĩnh*

VẠN THƠ

Trời chiều quãng vắng.

Thơ-thẩn ta đi một quãng đường,
Đường đi vơ-vẩn nghĩ thêm thương.
Sườn non khấp-khểnh chân len đá,
Ngọn gió đìu-hiu mặt dạn sương.
Cỏ nội phất-phơ hồn cổ-chủng,
Chim giời xao-xác bóng tà-dương.
Xa trông giời đất mênh-mông rộng,
Biết nói cùng ai truyện bốn phương.

∴

Than nghèo

I

Thân-thế buồn tênh phải buổi nghèo,
Nghĩ đường sinh-kế thật cheo-leo.
Giậy đàn trẻ mãi thêm đeo nợ,
Bán mớ văn còn khó đủ tiêu.
Rở ngón cùi luồn e mặt sạn,
Xoay nghề buôn bán lại lưng neo.
Bệnh nghèo hỏi-có ai hay thuốc,
Xin giúp cho ai, bốc một liều.

II

Vào Nam ra Bắc chạy lăng quanh,
Chết nỗi làng nho kiết nhất mình!
Công nợ lần khân, bẻ bạn rẻ;
Xu hào tt ỏi, chị em khinh.
Non kia nước nọ bia sinh lụy,
Bể thẳm trời cao một mảnh tình.
Buộc mãi cái nghèo lo chửa rất,
Lo làm sao khỏi cái hư-sinh.?

LƯƠNG-HỒ
Nguyễn-trung-Khuyến

Xuân

Xuân đi xuân lại chẳng bao lâu,
Tháng chạy ngày qua ấy mới mau!
Con trẻ vui chơi không biết chán,
Cái già theo đuổi có xa đâu.
Trông vời cố-quận như hoa mắt,
Cất chén tân-xuân muốn bạc đầu.
Tình cảnh đối nhau thêm thắc-mắc,
Cùng ai thăm hỏi một đôi câu.

∴

Tiễn bạn

Cất mũ chia tay mỉm miệng cười,
Từ nay bèo nước lại đôi nơi.
Bánh xe du-tử chưa dừng bước,
Ngọn bút tao-nhân chẳng cụt ngòi.
Thân-thế nổi chìm âu cũng kiếp,
Phong sương qua trải mới nên người.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau dặn,
Nước Thái-bình-Dương nó vẫn sôi.

∴

Cảm đề

Sự đời toan tính mãi chưa song,
Đối bóng trông gương luống thẹn-thùng.
Trời-bể chưa đền ơn cúc-dục,
Nước non thêm vướng nợ tang-bồng.
Đầu xanh mấy lúc pha sương trắng.
Cơn xám chừng bao tới vận hồng.
Chiếu bạc năm canh gà chửa gáy,
Túi không không dễ chịu về không.

PHI-VÂN
Ng. v. Tô

HÀI - VĂN LỐI CỔ

" Văn-Tế "

Than rằng :

Thợ trời thay đổi, bấm tay xem xuân tới thu về ;

Con tạo vần xoay, chớp mắt thấy sao dời vật đổi.

Ngựa qua cửa sổ ;

Mây nổi đầu non.

Gió thổi trên không ;

Hoa trôi mặt suối.

Giấc hồ - điệp khi mơ tính - mạnh, cửa âm dương chưa tỏ lúc đóng cài ;

Phận phù - sinh mang lấy hình - hài, cơn vận nạn vẫn thương người ngắn ngủi.

Nhớ linh xưa :

Lưng vót cần câu ;

Mặt xa chữ nãi.

Dâu đỏ kè kè ;

Da đen thui thủi ;

Mắt tròn rắn ráo, trông lên hấp háy hấp ha ;

Chân ngắng sếu vườn, bước xuống đâm so đâm dụi.

Thò câu nói khoác, bao lao chi bể rộng giời cao ;

Kể tính thông-minh, mù-mịt chi đất giầy đêm tối.

Công thay con ở, quét nhà quét cửa chẳng ngồi yên ;

Việc đỡ người thuê, buộc rồ buộc sề không lúc rỗi.

Một cái đậu bữa cơm mua sớm, chọn đống đầu dưa ;

Sáu đồng dầu buổi tối bán đêm, đắt bằng bỏ muối.

Tiền đóng quan chọn rặt thất-phân, (1)

Thuốc cam trẻ làm toàn ngũ-bội. (2)

Xem trong tính nết đã hay ;

Nghĩ đến ăn chơi lại giỏi.

Nón gõ lại trắng phau bướm bạc, buông thõng hai quai ;

Sồi vứt đi đỏ chói cá vàng, thắt chênh bốn múi.

Giầy vải đi đã rách mũi, vẫn lau chùi để phấn trắng tinh ;

Áo lương mặc đã thay vai, còn chấp chểnh cành hoa cân đối.

Ngồi rỗi hầm hơi thuốc lá, sực lông bò chi phấp phới ma trơi ;

Nằm khểnh hút điếu sái hoa, sông cứt dán chi tí ti mắt muỗi,

Chiều mát ra hàng thịt chó, đánh trơ lá-lật, (3) vẫn còn kè bớt một thêm hai ;

Đêm thanh ra phố hàng-gà, (4) nói vãi hoa-sòe, (5)vẫn dút dát thò ra dụt lại.

Khi ve gái lên ba con tự, tắc câu thơ chi nhằm nhè lá thắm, lậy chú van anh ;

Chăm làm tôi vị một đồng tiền, tắc hạn chữ chi sén bớt hoa hồng, ra luồn vào cúi ;

Trang-hoàng có cồ-họa và đôi, cũng đạp tuyết tầm mai, cũng đông ly thưởng cúc, (6) đời nào cũ rích sác sơ chi bồi chát giấy mo ;

Lịch-sự đủ tùng-viên một ấm, cũng Vị-thủy đầu can, cũng Hàn-giang điếu nguyệt, (7) buổi sáng khì-khà phì-phạch chi khó mù than củi.

---

(1) **Tiền Gia-long thất phân** 嘉隆七分 là thứ tiền kẽm của ta dùng khi xưa, những đồng tiền này thì dầy lắm, đóng vào bỉ thì lợi được nhiều tiền.

(2) **Ngũ-bội.** — là tên vị thuốc

(3) **Lá lật.** — Ngày xưa có thứ đĩa vẽ cái lá lật.

(4) **Hàng-gà.** — Tức là ở phố Hai - Cơ bây giờ (gần chợ Rồng Nam-định).

(5) **Hoa sòe.** — Ngày xưa ta có tiêu thứ bạc hoa sòe.

(6) **Đạp tuyết tầm mai, đông ly thưởng cúc** 踏雪尋梅。東籬賞菊 là những bức tranh Tầu ngày xưa ta thường dùng.

(7) **Vị thủy đầu can, hàn giang điếu nguyệt** 渭水投竿。寒江釣月 những chữ này có in ở những bộ ấm chén đồ sứ của Tầu.

Khi tế - tự ra đình việc hội, chăm miếng ăn tay thớt tay dao;

Lúc bán buôn có khách vào nhà, nhằm có lợi nói chầy nói cối.

Bi be dở giọng cà riềng, nhắp dần tí một, vẫn lên câu sức rượu không bì;

Bập bẹ nghe câu hát khế, trống nich giọng ba, làm ra giáng roi chầu đã lõi.

Dủ bầu bạn tồ - tôm tồ-tép, chán lỗ tai chỉ việc đâm ỳ;

Đụng anh em làm gỏi làm gà, chơ mắt thịt tìm đ;ều nói cuội.

Đào-lý (8) chực ôm chân quyền thế, tìm lối tùy toe;

Quế-lan (9) đà chán mặt giang hà, bỏ nghề hồ hụi (10)

Cũng tưởng phong xương chơ đá, hạc vững ngàn năm;

Nào ngờ bóng thỏ đưa thoi, rùa thiêng trăm tuổi,

Hay là nhớ người đất bắc, tưởng câu gắn bó đá vàng;

Hay là trông buổi sao đông, thương kẻ ôm cầm chăn gối.

Hay là tìm non nước thú vui;

Hay là chán trần hoàn gió bụi.

Kìa đồ buôn bán khuya sớm dữ-dìn;

Nọ giống làm ăn đêm ngày cặm-cụi.

Kìa chút-chít, kìa phệnh xành;

Kìa bồ hòn, kìa lá vối.

Kìa sâu tầm két bỏ khô;

Kìa nắm nan vàng bỏ ủi.

Kìa tiền góp vạc vôi;

Kìa đồ cầm biên phải.

Kìa giăng trong tuyết nọ, bánh ngọt ai làm;

Kìa nước đục mùa dầy, phèn chua ai gói.

Miệng vàng hơi sữa, đứa minh-linh (1) khuya sớm băn khoăn;

Đầu bạc răng long, người tuổi tác ra vào hậm-hụi.

Em khi chực tuyết, ôm phù-du riêng những bàn hoàn;

Vợ phận dữ xương, thấy dương-liễu lòng càng than tủi.

Thôi thôi,

Sống ấy đã khôn;

Chết thời không dại.

Phù hộ cho thân-thích bình-an;

Nhớ nhung lấy vợ con cúng vái.

Rầy nhân rót chén ba tuần;

Gọi là nhớ người chín suối.

Chu-Cảnh **Phạm-đình-Kỳ**

SAO LỤC

(8) **Đào lý công môn.** — 桃李公門 là chỗ cửa qua.

(9) **Quế chạo lan tương** — 桂棹蘭槳 là những cái bê chèo của nhà thuyền chài.

(10) **Hồ hụi.** — Là tiếng hò kéo thuyền của những nhà thuyền chài ở mạn trong.

(1) **Minh linh.** — Là con nuôi.

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

Này ai nên nhớ trước khi đi,
Nước độc đường rừng chẳng sợ chi,
Kinh-nghiệm gia-truyền thuốc *Sốt Rét*,
Xin tìm cho được hiệu *Liên-Huy* ! ! !

Hiệu Liên-Huy số nhà 68 phố Hàng-Trống
(Rue Maréchal Foch) Nam-Định.

Giá mỗi lọ 0$25

NGU'O'I AN-NAM
Ở VÂN-NAM-PHỦ

(Tiếp theo số 18)

Nói về công nghệ tôi có thấy một điều này là cái tật con nhà công-nghệ ta ở đây. Bóc ngắn, cắn dài, việc làm được một ít, tiền vay trước cho nhiều, tiêu bừa đi, rồi công việc để chậm chễ lại, làm không đúng. Làm với người *Ta*, người *Tàu* thì còn dễ, còn nói năng được, còn có thể hòng được dung-thứ, chứ làm với người *Âu, Mỹ* thì họ thẳng tay bắt theo pháp-luật, người thầu khoán khó lòng mà giữ cho chu toàn danh-dự. Nhưng mà không nên trách người, chẳng qua cũng tự mình cả; nếu công việc mình làm cho đúng mực, cho đúng hạn thì ai dám khinh mình.

Người *An-Nam* ta cũng có ít người làm thợ mộc, thợ nề cho *khách*. Một hôm tôi đi qua *Chính-nghĩa-môn* (*Cửa-nam*) ngẩng đầu lên thấy hai người thợ nề *an-nam* đương đắp chữ nho bằng xi-moong. Những chữ nho ấy là những câu cách-ngôn để khuyên dăn dân chúng. Nom thấy hai người thợ nề ấy đắp các lối chữ nỗi khéo lắm, trong trí tôi bấy giờ có một cái cảm-giác lông-bông khó lòng mà tả ra được. Tôi không vui và cũng không buồn, trong lòng tôi hơi có ý tự-cao tự-đắc. Tôi nghĩ thầm rằng: sao họ không thuê thợ *Khách* làm? Có lẽ thợ mình khéo hơn cho nên họ mới thuê làm việc này chăng? Mà quả thị một việc thuộc về mỹ-thuật, chưa chắc thợ nề *khách* đã làm nổi?

Một cái gia-đình con con trước kia người chồng đi nấu bếp cho *Tây*, vợ đi bán hàng dong và một cô con gái 17, 18 tuổi.

Sau mua một cái máy đệt bít-tất, vợ chồng và con ở nhà dệt tất bán, xem chừng cũng được sung-túc. Cách đây 4, 5 tháng bà tham *T.* và cô tiểu-thư ông tham, bà đốc *Q.* và bà phán *L.* bà đốc *P* dủ nhau đi tập làm hoa giấy. Tiền học khoán là 250 đồng bạc *tầu* mà hạn học độ một tháng. Một ngày học làm một thứ hoa. Các bà đã học làm được hơn 20 thứ cả thảy.

Mới nghe thấy nói đi học làm hoa, tôi tưởng khó khăn và công phu lắm, chắc rằng tốn giấy, tốn phẩm, tốn hồ còn nhiều mới làm thành những bông hoa trông được. Ấy thế mà thực ra thì khác hẳn. Các bà nói rằng học rất rẽ. Bà giáo sư là chủ hiệu một cửa hàng bán hoa giấy to nhất ở *Vân-Nam*, lấy một bông hoa giấy làm mẫu, bảo cho cách làm, cứ bắt trước mà làm là được ngay.

Làm lá, làm cánh hoa phải cần đến vài ba thứ đồ dùng đơn sơ, nồm hơi dống cái nạo để nạo tầu thuốc phiện. Bà giáo nói rằng, muốn làm được đủ các thứ hoa mà làm được giống được khéo thì phải mua các thứ đồ làm ở bên *Nhật*, tốn nhiều tiền lắm, kể hàng mấy nghìn bạc. Ý chừng bà sợ người mình cướp mất nghề của bà nên bà mới nói thế chứ đồ dùng đâu đến nỗi đắt như vậy. Có một đôi thứ như nhị hoa phải mua sẵn của bà giáo mà bà giáo cũng mua sẵn của người *Nhật*. Lại cớ một thứ chỉ làm bằng gạo rang duộm phẩm mà bà giáo cũng giữ bí-mật; bà phán *L.* tinh ý tìm ra được.

Giấy làm hoa là giấy thông-thảo và các thứ giấy nhiễu của người *Nhật*. Giấy nhiễu đẹp lắm, nhưng mà đắt tiền, nom các bà làm hoa, rất là rẽ ràng. Mà có một điều ai ai cũng phải lấy làm lạ, là các

bà làm được tinh sảo ngay, không hỏng cái nào, chỉ có cái đẹp lắm, cái đẹp vừa mà thôi. Hoa của các bà làm phần nhiều dống như hoa thật. Các bà là những bậc phong - lưu sang - trọng mà biết chuộng nữ-công như vậy, cũng là một sự đáng khen, các bà dụng công về thứ mỹ-nghệ này trước là để tiêu-khiển trong những ngày nhàn-hạ, học cho biết chơi sau này có thể đem về truyền-bá cho đồng-bào ta một cái nghề của người *Tầu*. Một vài ông nghĩ xa xôi nói rằng: «Người ta ở đời chắc đâu được giầu có thanh-nhàn mãi; nhỡ ra đến lúc quẫn-bách, biết được một nghề cũng là hay, có thể đem ra làm kế sinh-nhai mà tự - lập được, cái ý - tưởng nghề ấy rất hay. Các hạng phụ-nữ ta nên bắt trước bốn bà này, mỗi người học lấy một nghề cho tinh, Bà phán L. có giậy lại hai cô con gái là con một người chị em bạn. Nhân tiện bà làm các thứ hoa để làm quà cho bà con mỗi người một bó để cắm chơi. Lúc đương làm trong nhà bà phán bầy la-liệt các thứ hoa đủ các sắc, nom rất ngoạn-mục. Cả hai ông bà phán là người rất là âu-yếm bà con, cho nên anh em chị em đồng-bào cũng có lòng yêu mến. Thường có một đôi người không phải là người buôn bán, nhưng có thể lúc xin được giấy xuất cảng, chở về dưới ta hàng mấy mươi toa, hoặc gạo, hoặc đậu, hoặc khoai tây, có khi không muốn buôn, đem bán lại cái giấy phép xuất-cảng ấy cũng được nhiều.

Cách đây 6, 7 năm ông Vũ-văn-An lên bán cho Chính-phủ Vân-Nam được nhiều chăn dạ, dùng cho binh lính. Trong sự mua bán lặt vặt hàng ngày có ít người đàn bà so-kè quá, nào thêm, nào nếm, làm cho người khách bảo là người mình đáo để.

Khi mua bán với người *khách*, ta cũng nên chú ý đều này : giá dụ một người đàn-bà ta ra chợ mua thịt, thường thường người *khách* họ bán cho người *khách* đã, rồi họ mới bán cho mình, có lúc phải chờ đợi lâu lắm. Lấy một việc nhỏ mọn ấy mà suy cũng biết rằng bao ;giờ họ cũng coi người họ hơn, chứ không có cái tính tham thanh chuộng người lạ...

Người *khách* Vân-Nam thích mua những tủ, bàn bằng gỗ ta vì họ biết rằng ở xứ ta nhiều gỗ qúy, gỗ tốt; đắt tiền họ cũng cố mua cho được. Ở đây thứ gỗ thông là nhiều hơn cả. Các thứ gỗ qúy, gỗ tốt hiếm lắm.

Trên này chiếu làm bằng rơm sấu lắm. Họ thích mua chiếu cói của ta.

Mấy câu kết-luận về việc thương-mại kỹ-nghệ

Xem như người *Tây*, người *Tầu*, người *Tây-Đen*, người *Nhật* vân vân... Sang buôn bán ở xứ ta thì người Annam mình sang buôn bán, hoặc lập công nghệ ở đây, không thấm vào đâu với họ cả, người ta trăm phần mình không được một phần. Cứ xem như người *Tầu* có nhiều người sang bên *Annam*, chỉ có một cái khăn gói mà đến khi về *Tầu* thì có hàng nghìn, hàng vạn, như thế thì cũng đáng phục cái tài kinh-tế của người ta thực. Tôi nghe nói người *Tầu* họ biết cưu mang nhau, một người mới ở *Tầu* sang, tay không, không có gì, họ ra vốn cho một lần, làm nên ăn là hay, nhất là không làm nên ăn, họ lại cấp vốn cho lần thứ hai nữa. Lần thứ hai này mà lại thất bại, họ xét ra không phải là lười biếng, cờ bạc, thì họ lại cấp cho lần thứ ba nữa. Bất qúa tam đến lần thứ ba mà không sinh - cơ lập - nghiệp được thì họ mới thôi.

Ấy cái tính đoàn-thể liên-lạc, cái lòng tương-bảo, tương-trợ của người *Khách* rộng rãi bền chặt như thế, còn người mình thì sao? Tôi dám nói rằng người mình chưa biết tin nhau, chưa biết chu - cấp cho nhau, như người *Khách*. Có / nhà thương-mại nhà công-nghệ bảo tôi rằng: « Muốn buôn bán hay làm kỹ - nghệ chỉ một mình làm là tốt hơn cả. Nếu muốn chung phần thì đến hai người là cùng, chứ hơn hai người là hỏng rồi. Hội buôn lỗ vốn thì còn đứng vững, chứ phát-đạt

thì tan ngay » Xem như thế thì biết đến bao giờ mới được như người *Âu, Mỹ*? Chưa chi đã chực lừa nhau, đã chực ích - kỷ ,không ai dám bỏ tiền ra với ai, thì còn hòng được việc gì to tát?

Như việc buôn bán thì người mình phần nhiều mới có vật-chất, chưa có tinh-thần. Người *Tây*, người *Tầu* mới có tinh-thần về nghề buôn bán vậy.

Đồng-bào ta ăn ở với nhau thế nào?

Cứ lấy cái đại-cương mà nói, cứ lấy cả đoàn-thể mà xét thì đồng-bào ta ở *Vân-Nam* biết âu-yếm nhau, biết thương-yêu nhau, biết giúp đỡ - nhau, biết bênh-vực nhau, từ người làm việc quan cho chí anh em lao-động, ai ai cũng biết trọng danh-giá mình, biết giữ thể-diện đối với người ngoại-quốc. Cũng có một vài người xấu bụng hay - ghen ghét, hay nói xấu người, đâm bị thóc, chọc bị gạo, song những kẻ khốn nạn ấy không sá kể. Ở giọc đường xe lửa ở *Á - Mễ - Châu*, ở *Vân-Nam-Phủ*, người *An-Nam* ta có nhiều người tốt bụng lắm. Thấy đồng-bào mới ở dưới *An - Nam* ta lên bỡ-ngỡ, thì chỉ bảo tiếp đãi tử-tế, hoặc có yếu đau thì trông nom thuốc thang như người nhà,, có thiếu thốn thì chu-cấp cho đi đến nơi về đến chốn. Tấm lòng thân-ái của đồng-bào ở nơi khách - địa tha - hương, không quản thiệt hơn như vậy, thật đáng quý thay!

Vũ-văn-Lễ

Máy bay kiểu mới

Máy bay đậu trên nóc nhà, máy bay thay cho xe hơi. Bay cao cũng được, bay thấp cũng được, đứng yên trên không cũng được muốn đậu xuống cũng được,

Từ nhà bay đến sở làm việc, cái đó ngày nay đã thực rồi, không phải là sự mơ tưởng nữa. Gần đây thành Luân-đôn có một nhà buôn to làm trường ở trên nóc nhà, dự bị buồng máy bay thay xe hơi làm cổng ở trên nóc nghĩa là ra vào do lối nóc nhà, chứ không đi cổng nữa.

Thứ máy bay thường, khi bay lên phải cần chỗ đất rộng mấy trăm thước vuông mới có thể bay lên được. Các nhà khoa-học còn cho là bất tiện, nên hết sức nghiên-cứu để tìm ra một cách bay không cần phải trường bay rộng như thế nữa.

Theo như báo Tây thì lý-tưởng đó đã sắp được hiện rồi. Một nhà chuyên-môn phi hành nước Tây-Ban-Nha mới phát-minh một thứ máy bay tên ô-tô-gi-ro (Autogyro) chỉ cần chỗ đất rộng từ 30 đến 50 thước là bay lên được. Một cái sân đánh quần vợt cũng có thể dùng làm trường máy bay. Như vậy những nhà sẵn tiền mua một cái máy bay đó, xây một cái sân thường trên nóc nhà là đủ bay đi bay về được rồi. có thể dùng máy bay thay ô-tô được rồi.

Thứ máy bay ô-tô-gi-ro này không những khi bay không cần trường bay rộng lớn mà cách máy bay cũng khác máy bay thường, có thể bay rà rà mặt đất, có thể vụt lên trên cao, có thể bay chậm lờ đờ có thể bay nhanh vùn vụt., có thể đứng yên trên không trung không hề dụng đậy, lại có thể nhẩy trên mặt đất như cào cào; tóm lại là muốn sao được vậy, việc cầm máy đã đơn sơ mà sự vẹn lành lại càng chắc chắn, những cái đó thực là nghề máy bay đã đến mười phần vẹn mười vậy.

Người Tây-Ban-Nha phát minh ra thứ máy này, năm 12 tuổi đã lưu - tâm về nghề bay, ngày còn trẻ đã chế ra được chiếc tầu nơi trên không, cưỡi lơ - lửng trên giời. Có một lần ông ta tìm thấy một chiếc máy bay cũ hỏng, một cánh rơi ở nơi kia, bèn dùng hai bạn đồng trí đem cái máy ấy về chữa lành lặn lại rồi cỡi mà đi. Đến khi nhớn lên bèn chuyên-môn làm nghề phi hành, đến nay phát-minh ra thứ máy bay kinh người đó, Chắc không bao lâu nữa, sự dùng máy bay thay ô-tô và làm cổng tre trên nóc nhà sẽ thực hiện khắp các nước Âu Mỹ.

T. N.

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

HỘI LIM

Nó thật tấp-nập, con đường vào làng Lim, ngày hôm nay.

Trời lấm-tấm mưa phùn. Đường, gớm! sao mà quá lội.

Một chiếc mô-tô, trên ngồi hai ông mũ cúp che hết hai phần ba chiếc mặt, mồm ngậm sì-gà, mắt díp dim, sừng sộ nhầy bay vào, la vang lừng như muốn giọa những ai chầy hội.

— "Khó chơi!" vài ông có tuổi quắc mắt nhìn, trỏ vào con vật đương chạy như bay ấy và nói nhỏ với nhau như thế.

— "Có lẽ lắm!" Một người lạ, "cảm" vì câu nói ấy, cũng chỗ vào một câu trả lời.

Người ta nói, người ta cười, người ta chen chúc nhau, người ta ồn ào chuyện; ai ai cũng hớn hở, vui mừng, ai ai cũng hình như trẻ lại.

Kìa! ông Nghị Ba, mặt xám ngắt như gà cắt tiết, đương chạy đi chạy lại như con chuột để chụp chơi tấm ảnh; trông! cô-tây già, như sợ lấm chiếc quần trắng tinh, uốn-ẹo chánh những chỗ có bùn hay vũng nước.

Oạch một cái... kìa! tiên-sinh đừng có đùa mà nằm ăn vạ ở dữa đường này nhé! Một nhà văn, tay cầm chiếc nhật-trình, dún-dẩy ở trên đôi giầy đế kếp, đương mải nhìn bằng một con mắt khinh đời giẫy núi Lim rã rượi ở dưới trận mưa phùn không ngớt, chượt chân một cái, suýt ngã lăn ra giữa đường.

— Lội quá!

— Thế mới xuân! Xuân mà!

Rét, mưa, mưa, rét. Một người ăn mày có tuổi, mắt mù, ẵm đứa con chân tay cũng sám ngắt như là bố, run cầm cập trong đống bùn, nức nở kêu mãi mới được hai ba tiếng. Chú cả Xuân, bót thuốc lá bên mồm, co-ro như con sâu ở trong bộ âu-phục mầu đen, đứng dừng ngay lại, móc vi lấy hai su vứt cho người khốn-nạn... rồi...đưa mắt nhìn một cách tự-kiêu người con gái môi đỏ như tiết gà, mặt đánh, tôi không biết bao nhiêu là phấn, nhí nhảnh trong cái khăn san mùi hồng, đi cách đấy độ dăm ba bước.

— Mợ nó hôm nay cũng đi xem hội à?

Toe-toét cười, cậu công-tử sán ngay vào gần một tiểu-thư Hà-thành đương "bơi-không-khí" ở giữa đám bùn lầy lội.

...Đây là núi Lim.

Đông thật. Nhấp nhô trên đám cỏ xanh, này! ô! mũ! nón! khăn! hôm nay phải ôm cái số phận hẩm hiu nhé! Hết cả "diện", con gái cũng như con giai đều ra ý trách trời:

— Giá hôm nay không mưa thì hội còn vui đáo để!

Nhưng hội Lim năm nay thật là đông. Cô gái quê, yếm mặc đỏ loè, hai má hồng hồng như da một trái đào mới chín, mặt tròn, sùm sụp trong chiếc khăn mỏ quạ để soè ra trên hai vai cái áo vải nâu non, cầm cái nón mới che mặt mà cười tít mắt. Ông Tham ở tỉnh về, toe toét mồm cười, kéo nón ra hôn... rồi, như

một người say rượu, ẵm bồng cô em tôi lên trời! Thì bạn ở ngoài hồng - hộc cười, bỗng cùng hò hét mà vỗ tay đôm đốp; họ sướng, họ khen bạn họ, họ cho là thú, họ cho thế là thú nhất trên trần đời... Kìa! hãy trông ở đằng kia, ba ông "bố trẻ con" bá cổ vào vai cô ả bán hàng bún chả; này! lại về phía nọ một, hai, bốn, năm ông, cổ áo tơi đứng dựng, đương thi nhau mà hôn hai cô bé đứng chúi vào nhau ở cạnh giẫy cây sương-rồng.

— Các ông lần mần quá! Chúng em...

Chẳng đợi cho nói hết lời, một ông ở ngoài chạy sổ vào, ngửng cái mặt phốp pháp như cơi trầu đầy, tán khéo...

Người ta dở lắm trò người ta không e lệ.

— Hai con mắt bác này đẹp quá, đẹp đẹp đẹp quá đi mất thôi.

— Ấy chết! sao các ông lại làm thế?

Một cái tay dụt lại. Người có cái tay ấy, dân làng Lim gọi là con "khỉ mù"

— Bác này mới khó tính chứ! Bảo ra tí đằng này nói chuyện, mãi không nghe. Người con gái lùi lại. Thì, ở đằng sau, đã thấy một tên quân khác nắm ngay lấy ngực, chớt nhả cù, rồi bô bô mồm: "Tôi bắt đền bác đây này... sao bác lại dẫm vào giầy tôi thế? Nào... đền tôi đi nào..."

Người con gái biết làm thế nào để ra bây giờ?

Nhưng, ở cái quán nước kia, sao lại lắm người đứng thế? Chạy lại xem, thì: Giời ơi! em van các ông, các ông làm thế người ta cười cho chết mất!

Chẳng sượng-sùng, một "ông Tây An-nam" quần-quại trong bộ áo ca-rô nâu đương lắc đầu, nhe răng trắng nhởn ra cười híp mắt: "Này, mợ nó sơi miếng trầu, mợ nó!"

"Mợ nó," tít mắt cười, "mợ nó" vừa nhìn cái yếm thắm nghênh ngang trong bộ áo mớ ba, vừa nói lầm bầm tôi không biết câu gì trong miệng.

— «Khốn nạn chửa!» một ông khác quần áo bảnh bao tiến vào, "*bắc - đầu bội tinh* ai lại để quên đây thế này?"

Rồi, bỗng có cái gì kêu đánh độp. Cô ả *Mùi* bẽn - lẽn, toan dẽ đám đông người để chạy, thì:

— Kìa! đương nói chuyện sao «ta femme moi» lại bỏ đi đâu thế? Một người khác, má hồm môi thâm, lủng lẳng ở trong cái áo trench-coat vội chạy bay ra can-thiệp.

— A lè! bắt tay cái nào!....À! bố cu tốt! bố cu tốt lở!

Người con gái mặt đỏ như quả hồng lúc chín, cố dụt tay ra, nhưng: «khi gió» chửa! vừa đập tay vào cái «bộ ngực tròn» ông nào đã ỡm ờ cầm cái nón mà đi ra kia thế?

Thì, ở góc núi bên kia, một trận cười «nổ-giời» bỗng bay thẳng lên trên không-khí. Ngoảnh cổ lại, thì, này! sao khéo ỡm-ờ, ông phán Sửu đương vận hết «nội-công» để ẵm lấy cô-ả Tý ở Trần-thôn mà hôn choanh-choách vào đôi má hồng-hồng đỏ.

Tình!

—Em thật quả không biết hát, nếu biết em xin hầu hai ông ngay.

—Không được! Người ta đồng thanh trả lời.

—Thôi! bác nhận lấy trầu đi....rồi hát ít giọng cho chúng tôi nghe nhờ nào! Kìa kìa người ta hát vui đáo để.

À! mà thật! ở trên đỉnh núi, cạnh một tảng đá to, có hai cặp trai-gái đương tựa vào vai nhau mà đồng cất giọng thanh-tao, hát....

Họ hát, hát Quan-họ, hát mãi, hết bên này đến bên kia, ở dưới một đám đông người mặt mày hớn hở như cùng với cái giọng hát du-dương êm-ái kia, bay cao lên chín tầng mây thăm thẳm.

— À! ra thế đấy! Một ông ngồng-ngỗng điếu thuốc to bên mồm, ngạc-nhiên nói — tôi biết là ông ta nói mấy ai? — một câu như thế.

Vẫn mưa, vẫn rét, vẫn rét, vẫn mưa. Nhưng, ồ! nào có làm gì những cái nhỏ-nhặt ấy. Đội bầu giời sám, sử Năm vẫn

cầm cái ba-toong cây mía, vung-văng theo ả Vện đi với em; đập mặt đất lầy, ông Sáu vẫn nhởn nhơ cái bộ răng vàng ở trước hàng chị Bái; sau giấy chợ.

— Hội vui thật!

— Nào vui quái gì! Có người bảo hội ấy làm hư con gái, có người bảo vì hội ấy mà.... lắm bác Sã, anh Nhiêu, thầy Khóa «bồ-côi» vợ.

Trời tối dần dần.

— Mấy giờ?

— Thôi! ta đi ra đợi tầu!

Rồi thì.....

Rồi thì, trông mấy đám thiếu-niên đương chù tính ngủ lại đêm ở đấy, một cái «bể người» nhấp nhô theo con đường trơn như mỡ để đi ra tầu về.

Hội Lim!

Chen-chúc ở trên chiếc xe-hỏa đương nhả khói mà phăng phăng chạy trên đường sắt, khách du-xuân còn nhớ đến hội Lim.

Vậy:

Nó thế nào? Có tốt hay không? Nên bỏ hay không? hội ấy.

Tôi xin hỏi chư-quân-tử.

2 Mars 1931 Vũ-Bằng

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Vấn-đề dẫn thủy và trừ nạn úng thủy tại trung-châu xứ Bắc-kỳ

Quan Toàn-Quyền vừa ký nghị-định đặt ra một hội-đồng chuyên trông coi về việc rẫn thủy và trừ nạn úng thủy những đất Trung-châu xứ Bắc-kỳ như Bắc-Ninh, Hưng-Yên Hải-Dương, Hà-Đông, Phủ-Lý, Nam-Định và Thái-Bình. Hội-đồng ấy có quan Tổng-Thanh-Tra ngạch Công-Chính làm chủ-tịch. M. M. Favier kỹ-sư công-chính làm phó-chủ-tịch. Delsalle, thanh-tra các việc chính-trị, Trần-văn-Thông Tổng-Đốc (Nam Định) Lê-Mai Kỹ-sư Công-Chính và viên Kỹ-sư canh-nông làm hội-viên. M. Bauzil Kỹ-sư Công-chính làm thư-ký Hội-đồng.

T. N.

Một vết đen trên mặt giời

Tokio, 22 Février. — Các nhà thiên-văn Nhật-bản tuyên ngôn rằng cái vết đen mới đây trông thấy ở một góc mặt giời một ngày một thêm. Bây giờ ban ngày cũng trông rõ, và vết ấy thiên dần về phía tây. Ngày hôm thứ sáu mới rồi thì ở giữa mặt giời.

A. R. I. P.

Chụp ảnh con trong bụng

Điện-tín *Cleveland Huê-kỳ* nói rằng: vừa rồi ở đây có kẻ phát-minh ra một cái máy rất lạ, làm cho khoa-học-giới ai nấy cũng phải chú ý một cách đặc biệt. Cái máy mới bầy ra đây đặt tên là *Amiographe* và có thể dùng để chụp hình một cái thai trước khi sinh đẻ ba tháng, ví dụ như có một người đàn bà chửa còn ba tháng nữa thì đẻ, dùng máy *Amiographe* mà chụp hình, thì có thể biết trước được là đẻ con giai hay con gái.

T. N.

TIỂU - THUYẾT

(Vân - Lan ký - sự)

Xã-hội ta ngày nay hiện đương vào thời-kỳ quá-độ, không những về bên nam-giới thanh-niên cần phải đem hết cảm-tình mà đối với tổ-quốc giang-sơn, mong sao cho có một ngày cái tình đoàn-thể liên-lạc cùng nhau, để cùng đem một tấm nồng nàn, sấn bước trên con đường tiến-thủ, mà cả đến các bậc nữ-lưu cũng cần phải có cái cảm-tình sốt sắng cùng giúp đỡ một tay, thế mà hiện nay trừ cái bậc có cái cảm-tình chân-chính cao thượng, không say đắm những nơi vật-dục, không mê mết trong đám tình-trường, còn ngoài biết bao người thanh-niên nam nữ chỉ vì hiểu lầm mấy chữ tự-do, chủ-nghĩa khoái-lạc, để đến nỗi sự vui chưa thấy, thấy ngay sự buồn, tự-do chân-chính chưa được hưởng thụ, mà cái tơ tình vấn vít đã bao người tài sắc vào trong vòng nô lệ ái-tình, làm cho cái chí tiến-thủ của các thanh-niên nam nữ những mong có ngày sấn bước đường trường, vì đó mà tiêu tán, không còn có chút hy-vọng về sau, không còn có chút bổ ích gì cho xã-hội hiện-tại, vì đâu nên nỗi, xin liệt-vị độc-giả hãy xem câu truyện thực, kể sau đây, dẫu chưa dám gọi là cái gương phản-chiếu soi chung cho bạn thanh-niên, nhưng riêng về phần các bạn liễu yếu, đào tơ tưởng cũng có thể xem một bản truyền-hình đó để cảnh tỉnh cái tâm hồn, thì chẳng phải là không có bổ ích một đôi chút vậy; nên ký-giả chẳng quản tài sơ trí thiển, biên chép ra đây, để cống hiến cùng các ngài gọi tỏ chút tình thành thực nồng nàn, những mong trong nữ-giới ai đã mắc phải lưới tình, chìm đắm trong bể tình, mê mẩn trong giấc mộng tình, nên mau tỉnh ngộ.

Bể tình bể khổ hỡi ai ơi!
Vượt khỏi trầm luân kẻo nữa rồi.
Hẹn ngọc thề vàng câu truyện phiếm,
Nguyền sông chỉ núi cái trò chơi.
Hờn duyên tự-sát kia bao kẻ,
Tủi phận quyên-sinh nọ chán người.
Cõi phúc là tu mau sấn bước,
Bể tình bể khổ hỡi ai ơi!..

. . .

Trên con đường lát đá nhấp nhô, ánh đèn điện sáng như ban ngày, bóng cây cối um tùm như cửa động, lá khô lắc-rắc theo ngọn gió hắt hiu, tả tơi rụng xuống, tiếng vọ rì-rù, tiếng ve rền-rĩ, giập-giờn dăm chiếc dơi-dơi, quanh liêng trên không toan bắt muỗi; tấp nập mấy đoàn xe ngựa, thong rong trước gió đón-đưa người, buổi chiều êm lặng thảnh-thơi; rủ nhau hóng mát giạo chơi từng đoàn.

Sau khi xin phép nhà, em đến chơi đằng chị Dương-Ngọc để mượn vài quyển sách và dăm tờ nhật-báo. Lúc ra về trông từ con đường Ga đi lại, một người thiếu-nữ tay sách nách mang; em trông rõ quen, rõ quen mà em không giám nhận, vì sợ quáng ánh đèn mà nhận nhầm chăng! Nhưng không, khi em đã lại gần chỉ cách người kia chừng hai bước, em trông rõ ràng chị Vân-Lan, em giơ tay ra định ôm choàng lấy chị để tỏ tình âu-yếm, nghĩa cố-tri, em giơ tay ra mạnh quá, đến nỗi mấy quyển sách của em phải rơi phịch xuống đường bụi bốc lên như đống-dấm, em vội vàng nắm lấy tay Vân-Lan và giằng lấy một gói to bọc nhật-trình để mang đỡ hộ chị. Lúc ấy mặt mày em vui vẻ bớn hở khác thường, song chân tay em hình như hãy còn run lẩy bẩy, trống-ngực em thổn thức không yên, ngày càng đập mạnh. Thấy nhau tay bắt mặt mừng, tình thân nỗi ái, bao chừng xiết nay, rõ thực là:

Bấy lâu mới lại thấy nhau đây,
Tắc gia mơ màng bạn có hay,
Đã mấy thu qua xa cách mặt,
Vui mừng gặp gỡ buổi hôm nay.

Chị Vân-Lan là bạn đồng-học với em năm xưa, trong niên-học, chúng em rất đỗi thân-yêu nhau, thật chẳng khác cùng chung một mẹ. Em vẫn còn nhớ, trong những lúc thư nhàn chúng em cùng nhau lúc bá vai, khi vịn cổ, đưởng kim mũi chỉ, quyển sách câu văn, khuyến khích lẫn nhau, tự cho thế là tao-nhã, là cao-thượng vậy.

Em trông thấy chị Vân-Lan thì vui mừng khôn xiết, vì đã hơn hai năm nay chị em mới lại gặp nhau, thật là bõ lúc nhớ nhung trong khi xa vắng bạn. Thế mà chị Vân-Lan thì sau khi vui gặp gỡ, dưởng ủ mặt âu sầu, nửa cười nửa tủi, thấy em để-ý nhìn thẳng vào mặt chị, thì chị sẽ mỉm cười gượng cho qua, chị cười như đóa hoa lê bị mưa tháng bẩy, em lấy làm ngạc-nhiên, em có ý tỉ-tê hỏi duyên cớ, nhưng chị tỏ ý cho em rằng không muốn nói. Trên khóe thu-ba lại nhóng nhánh có những hạt lệ thương-tâm, thật chẳng khác mấy hạt sương đọng trên cánh hoa hồng buổi sáng. Em cứ thấy chị vừa đi vừa thở dài, vừa sùi sụt, thành ra em bối rối trong lòng, không hiểu chị vì đâu nên nỗi.

Vì tình mật thiết, nên em cố lưu chị tại nhà em. Thày đẻ em thấy chị, cũng tỏ ý vui mừng lắm; hỏi tới truyện nhà cửa thì chị nói là đi học xa không được rõ. Hỏi tới sự học hành thì chị chỉ thở dài mà không nói. Chị ngồi uống nước qua loa, rồi cùng em vào nhà trong soạn lại đồ hành-lý xong cùng em lên dưởng đi nghỉ. Sáng hôm sau, trên tường đồng-hồ dịp dàng đánh sáu tiếng, ánh thái-dương lọt qua cửa sổ soi vào mặt em, em dật mình tỉnh rậy thì đã thấy chị Vân-Lan đang tỳ tay lên cằm, giọt giải giọt vắn, ngồi tựa vào đầu dưởng em. Em thấy vậy thì tìm lời khuyên giải, song lời em nói thì lại như gợi lòng sầu cho chị thêm thổn thức mà thôi.

Tám giờ hơn, chị Vân-Lan sắp sửa để ra ga, em lấy làm ngạc nhiên, mà đến thầy đẻ em cũng vậy. Em liền nói lên rằng: « Về Thái-Bình thì mười giờ mới có ô-tô, bây giờ ra thì sớm quá. » Chị nói rằng còn phải về Ninh-Bình có chút việc và thăm ông chú nhân thể. Em thấy nói thế nên không giám làm ngăn trở, và đinh ninh rằng trong dăm bữa nửa tháng nếu chị về Thái-Bình thì thế nào cũng tạt vào thăm em, khi đó sẽ dữ chị ở lại lâu.

Chúng em ra tới ga thì hành khách đã đông nghịt, vài phút sau khi lấy vé, chúng em cùng nhau ra sân Ga, chẳng bao lâu từ đằng xa lừ lừ con tầu đã tới. Hàng trăm nghìn cái vành bánh sắt đang thi nhau ăn trên đường tầu, bỗng dần dần ngừng lại. Nào là kẻ xuống người lên, kẻ thưa, người gọi, cứ ồn ào như đám hội. Chị Vân-Lan lên tầu, em đứng dưới, bốn mắt nhìn nhau, truyện trò giây lát, bỗng tiếng còi nổi hiệu, khói phun ra đen nghịt hẳn một góc trời, con tầu bắt đầu chạy. Lúc tầu còn toa nọ sô toa kia sắp chạy mạnh thì em hai mắt đăm đăm nhìn lên phía Vân-Lan đứng, trong lòng em mới thổn thức làm sao. Khi tầu đã chạy hơi nhanh thì chị Vân-Lan vẻ mặt ra giảng đột nhiên rồi gọi với em mà dặn rằng: « quyển sách ở dưởng, bỏ quên... giữ cẩn thận hộ... và... nhé » Tầu chạy nhanh quá tiếng máy inh ỏi át cả tiếng người, thành thử em lỏm bỏm nghe được có ngần ấy câu.

(Sẽ tiếp theo)

Bùi-Mộng-Vân

Le Gérant :

PHAM-DINH-KY